

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC****Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3724 5999
- Fax: 024.3724 5775
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thanh Thủy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo thường niên năm 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/04/2026 tại đường dẫn: <https://nvs.vn/danh-muc-bao-cao/cong-bo-thong-tin/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Đại diện tổ chức**Người UQ công bố thông tin****Nguyễn Thị Thanh Thủy**
Kế toán trưởng

NAVIBANK

Securities

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Đột phá tăng trưởng - Chuyển đổi toàn diện

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG	3	CHƯƠNG III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	29
1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	4	1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	30
2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	5	2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	36
3. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	6	3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	37
4. TẦM NHÌN SỨ MỆNH	7	4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	37
5. GIÁ TRỊ CỐT LÕI	8	5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	38
6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	9	6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	38
7. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	10	CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
8. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO	11	1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	40
CHƯƠNG II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14	2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC	41
1. TÌNH HÌNH BỐI CẢNH VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI 2025	15	3. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026 VÀ TẦM NHÌN TRUNG HẠN	41
2. TỔNG QUAN THƯƠNG MẠI 2025	16	CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	42
3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT KINH DOANH TRONG NĂM	20	1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	43
4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	21	2. ỦY BAN KIỂM TOÁN	46
5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	23	3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, UBKT	47
6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	24	CHƯƠNG VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	48
7. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	25	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC	70
8. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	26		





CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Giới thiệu chung



- Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**
- Tên tiếng Anh: **Navibank Securities Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **NVS**



- Mã thành viên: **090**
- Mã số thuế: **0102751333**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số **93/UBCK-GPTLHD** ngày **16/05/2008** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.



- Đại diện pháp luật: **Ông Đặng Huy Phong**
- Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Vốn điều lệ: **252.000.000.000 đồng**
- Vốn sở hữu tại thời điểm 31/12/2025: **375.188.654.169 đồng**



- Địa chỉ: **Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.**
- Website: **www.nvs.vn**
- Điện thoại: **(+84) 3724 5999** Fax: **(+84) 3724 5775**

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH: HÀNH TRÌNH 17 NĂM TÍCH LŨY

2008
- 2010

- Thành lập với tên Chứng khoán E-Việt, vốn điều lệ 42 tỷ đồng. Bắt đầu với Môi giới, Tư vấn, Lưu ký
- Công ty chuyển trụ sở chính về địa chỉ Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

2011 -
2015

- Công ty Cổ phần Chứng khoán E- Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.
- Mở rộng quy mô, tăng vốn điều lệ lên 187 tỷ đồng và chính thức bổ sung nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán

2021 -
2022

- Tăng vốn lên 252 tỷ đồng, bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành; Trở thành thành viên Sở GDCKVN.
- NVS được chấp thuận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2025

- Điểm bứt phá vĩ đại - Xác lập kỷ lục lợi nhuận cao nhất lịch sử

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, cấp lần đầu ngày 16/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24/01/2025, các mã ngành, nghề kinh doanh của NVS như sau:

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	CHI TIẾT
6612 (Chính)	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	Môi giới chứng khoán
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	Tư vấn đầu tư chứng khoán - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	Tự doanh chứng khoán

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Môi giới
chứng khoán



Tư vấn
đầu tư chứng khoán



Lưu ký
chứng khoán



Tự doanh
chứng khoán



Tư vấn tài chính
doanh nghiệp

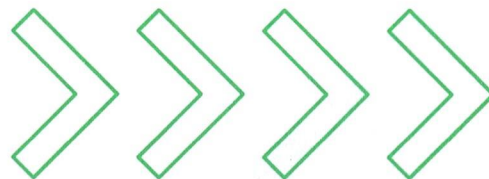
TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) được thành lập vào ngày 16 tháng 5 năm 2008, trải qua 17 năm hình thành và phát triển, NVS đang từng bước khẳng định vị trí vững chắc của mình trên thị trường chứng khoán, trong sự tin cậy và tín nhiệm của các nhà tư vấn. Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của NVS với mức tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận, đạt 34.8 tỷ đồng - tăng gấp 18.33 lần so với năm 2024. Kết quả này khẳng định chiến lược kinh doanh đúng đắn và sự nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ nhân viên.

NVS hoạt động với mục tiêu tăng giá trị vốn hóa của các nhà tư vấn và cổ đông của công ty thông qua những hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Với công việc cung cấp các dịch vụ: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính - đầu tư (IB), lưu ký chứng khoán và các chứng khoán NVS dịch vụ. Với tiêu chí không ngừng nỗ lực phát triển và chuyển đổi số toàn diện, NVS đặt mục tiêu phát triển bền vững, luôn cố gắng duy trì khả năng trưởng dương và mở rộng phạm vi dịch vụ thông qua công nghệ hiện đại, hướng tới trở thành công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Uy tín: Làm việc với khách hàng và đối tác một cách minh bạch, trung thực, và cam kết bảo vệ tối đa quyền lợi của khách hàng.

Trách nhiệm xã hội: Thực hiện các nghĩa vụ đạo đức và xã hội, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

SỨ MỆNH: Tăng giá trị vốn hóa, tăng trưởng bền vững và chuyển đổi số toàn diện hướng tới vị thế công ty chứng khoán hàng đầu.

Sáng tạo: Không ngừng cải tiến và ứng dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu quả công việc và trải nghiệm khách hàng.

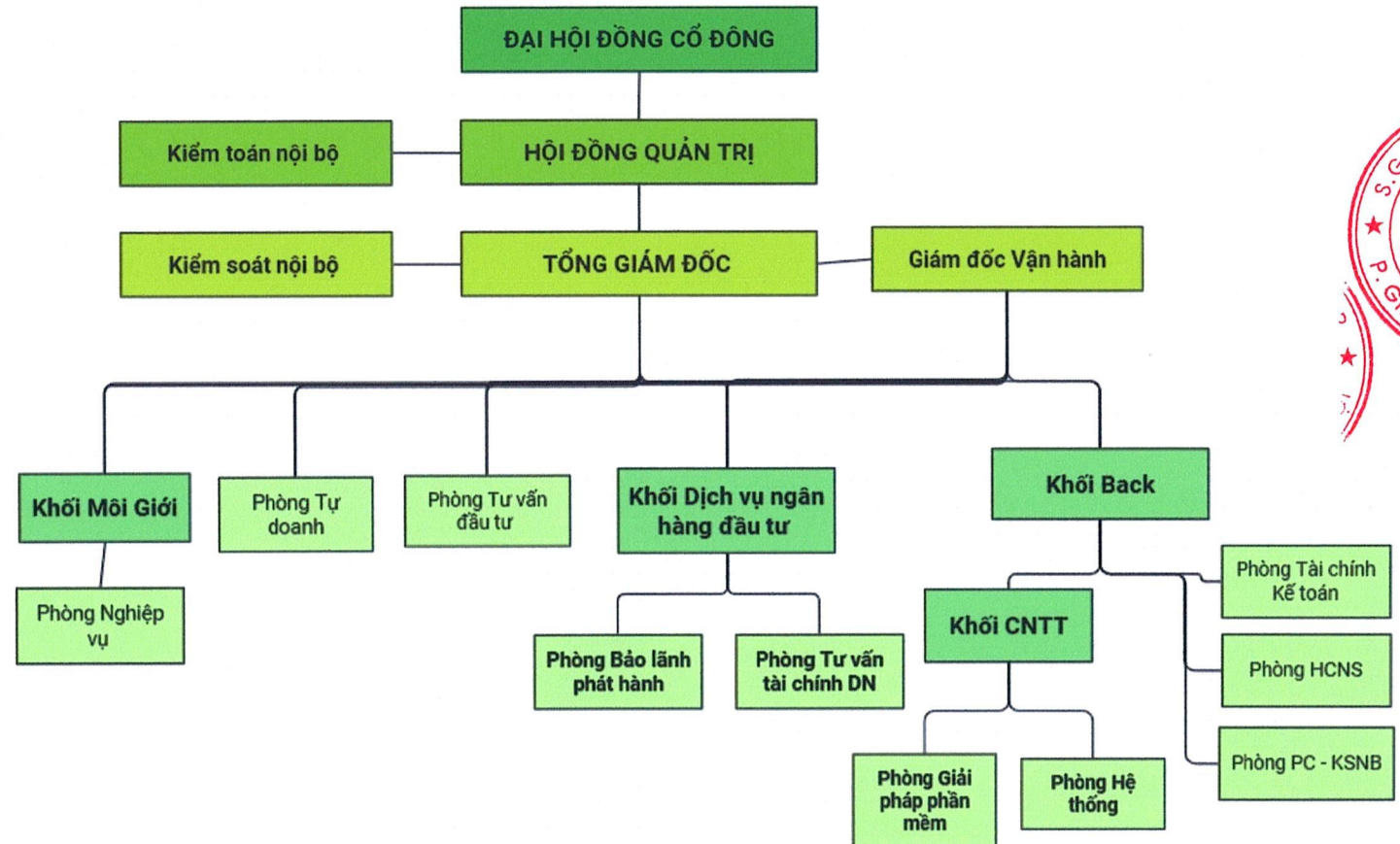
Khách hàng: Luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu, xây dựng mối quan hệ lâu dài và hỗ trợ khách hàng đạt được mục tiêu tài chính.

Chuyên nghiệp: Đảm bảo chất lượng dịch vụ, tư vấn chính xác và có trách nhiệm trong mọi quyết định đầu tư.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

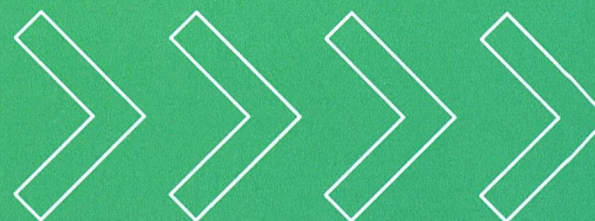


SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Các công ty con, công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



BỐI CẢNH NĂM 2025

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 khởi đầu với tâm lý đầy lạc quan khi đứng trước ngưỡng cửa của một chu kỳ tăng trưởng mới. Việc chuyển đổi trạng thái từ phục hồi hậu khủng hoảng sang tăng trưởng bền vững đang diễn ra rõ nét, với sự đồng hành tích cực của nhà đầu tư trong nước và những bước đi mạnh mẽ của quá trình cải cách thể chế. Chỉ số VN-Index liên tục ghi nhận các mức cao mới trong năm, phản ánh sức hút ngày càng lớn của kênh đầu tư chứng khoán đối với nền kinh tế. Thanh khoản thị trường cũng ghi nhận sự sôi động chưa từng có, với giá trị giao dịch bình quân phiến tăng mạnh so với năm trước.

Trong bối cảnh thị trường thuận lợi đó, NVS đã nỗ lực duy trì hoạt động ổn định và từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh. Với nền tảng đã được củng cố trong các năm trước, công ty tập trung vào việc tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường năng lực đội ngũ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Kết quả là, công ty không chỉ bảo toàn được nguồn vốn mà còn đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận đột biến, xác lập kỷ lục cao nhất trong suốt 17 năm lịch sử hoạt động kể từ ngày thành lập.

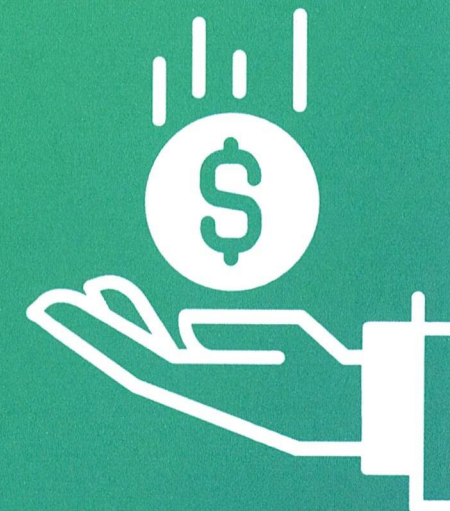
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Xây dựng kho dữ liệu và bảng điều khiển quản trị thông qua việc phát triển Dashboard tổng hợp toàn công ty (NVS Master Dashboard), tích hợp dữ liệu theo thời gian thực từ tất cả các bộ phận.

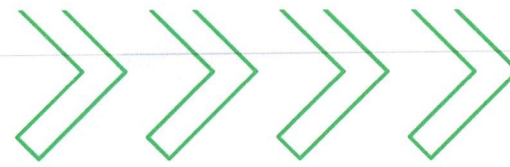
Hoàn thiện và đưa vào vận hành chính thức phần mềm trading cho khối Môi giới, hướng tới mở rộng tệp khách hàng cá nhân và tăng sức cạnh tranh với các công ty chứng khoán cùng phân khúc

Số hóa toàn diện các quy trình thông qua ứng dụng hệ thống phê duyệt điện tử, giảm thiểu sử dụng giấy tờ, tiết kiệm thời gian và không gian lưu trữ, hướng đến mô hình văn phòng tinh gọn, hiệu quả và không giấy

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo bằng cách phối hợp cùng Phòng IT để mua hoặc xây dựng hệ thống AI nội bộ và triển khai đến từng bộ phận, đồng thời thành lập AI Advisory Team chuyên trách nghiên cứu và tư vấn cách tích hợp AI vào quy trình vận hành nhằm nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm



HỌẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO



Giới thiệu chung

Rủi ro tín dụng

Rủi ro thị trường

Rủi ro về công nghệ

Rủi ro tuân thủ

Rủi ro liên quan đến các đối tác

Rủi ro pháp lý



RỦI RO TÍN DỤNG

Trong năm 2025, rủi ro tín dụng của NVS chủ yếu phát sinh từ ba hoạt động: cho vay ký quỹ, đầu tư tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi, và đầu tư trái phiếu. Hoạt động cho vay ký quỹ tiềm ẩn rủi ro lớn nhất do giá trị tài sản đảm bảo gắn liền với biến động thị trường. Công ty đã nâng cấp hệ thống margin, tự động quản lý hạn mức, cấp phát khoản vay và thu nợ, đồng thời thiết lập các mức cảnh báo sớm để xử lý kịp thời. Đối với đầu tư tiền gửi, công ty đánh giá kỹ xếp hạng tín nhiệm của đối tác và phân tán danh mục để hạn chế rủi ro tập trung. Với đầu tư trái phiếu, NVS thẩm định kỹ năng lực tài chính của tổ chức phát hành và trong năm 2025 đã chủ động giảm tỷ trọng trái phiếu để tập trung vào các kênh đầu tư kiểm soát rủi ro tốt hơn. Kết quả, NVS đã kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng, không phát sinh nợ xấu hay tổn thất đáng kể, hệ thống quản lý rủi ro vận hành ổn định và phù hợp với quy mô hoạt động của công ty.

RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

Trong bối cảnh hoạt động giao dịch chứng khoán phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ, rủi ro CNTT trở thành rủi ro trọng yếu, bao gồm sự cố hệ thống, mất an toàn dữ liệu, tấn công mạng và rủi ro trong quá trình chuyển đổi hệ thống. Năm 2025, NVS thực hiện nhiều thay đổi lớn về CNTT như triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến mới, nâng cấp hệ thống margin, triển khai Epaperless số hóa quy trình phê duyệt, và nâng cấp hệ thống kế toán, mỗi lần thay đổi đều tiềm ẩn rủi ro gián đoạn dịch vụ. Để quản lý, công ty xây dựng hệ thống dự phòng đầy đủ, chạy song song hệ thống mới với hệ thống cũ trong giai đoạn chuyển đổi, kiểm thử kỹ trước khi vận hành chính thức, thực hiện backup dữ liệu thường xuyên, cập nhật bảo mật định kỳ và tập huấn nhân viên về an toàn thông tin. Kết quả, hạ tầng CNTT của NVS hoạt động ổn định suốt năm 2025 không có thời điểm gián đoạn, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro trọng yếu nhất đối với NVS do hoạt động tự doanh chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu. Rủi ro này phát sinh từ biến động giá chứng khoán, lãi suất và tỷ giá, có thể gây tác động trực tiếp đến giá trị danh mục đầu tư và khó dự báo chính xác. Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng mạnh nhưng biến động cao, NVS xác định ba nhóm rủi ro chính: biến động giá cổ phiếu trong danh mục tự doanh, rủi ro lãi suất ảnh hưởng đến danh mục trái phiếu và chi phí vốn vay, và rủi ro tập trung danh mục. Để quản lý, Bộ phận Quản trị rủi ro theo dõi và đánh giá hạn mức rủi ro hàng ngày, kiểm tra hạn mức trước giao dịch và báo cáo kịp thời các trường hợp vượt hạn mức. Công ty đã chủ động tái cơ cấu danh mục, tập trung vào cổ phiếu vốn hóa trung bình có cam kết lợi nhuận để ổn định dòng tiền, đồng thời giảm tỷ trọng trái phiếu nhằm hạn chế rủi ro lãi suất. Công ty cũng phân tán đầu tư vào nhiều mã chứng khoán thuộc các ngành khác nhau và xây dựng kế hoạch dự phòng cho tình huống thị trường suy giảm, bao gồm ngưỡng cắt lỗ và kịch bản xử lý danh mục khẩn cấp.

RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ phát sinh khi không thực hiện đúng quy định pháp luật và quy trình nội bộ, có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến uy tín công ty. NVS quản lý rủi ro này qua ba trụ cột: cập nhật liên tục hệ thống văn bản pháp lý và quy trình nội bộ; đào tạo và phổ biến thường xuyên các quy định mới đến toàn thể nhân viên; kiểm tra và giám sát định kỳ với báo cáo lên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị. Năm 2025, Phòng Pháp chế đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký các hoạt động, đảm bảo tuân thủ báo cáo cho UBCKNN và Sở GDCK, đặc biệt điều chỉnh kịp thời quy trình khi các Sở giao dịch triển khai hệ thống KRX mới. Công ty tuân thủ đầy đủ pháp luật chứng khoán và quy trình nội bộ, không có vi phạm đáng kể.

RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ĐỐI TÁC

Rủi ro đối tác phát sinh khi đối tác không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cam kết, có thể gây gián đoạn hoạt động kinh doanh. NVS xác định bốn nhóm rủi ro chính: đối tác không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng (chậm thanh toán, vi phạm điều khoản); thay đổi tình hình tài chính đột ngột; không cung cấp đúng sản phẩm/dịch vụ như cam kết; và thiếu hụt nguồn lực để đáp ứng yêu cầu hợp đồng. Để kiểm soát, công ty thực hiện thẩm định toàn diện về năng lực tài chính, kỹ thuật và uy tín trước khi hợp tác, soạn thảo hợp đồng chặt chẽ với đầy đủ điều khoản bảo vệ, giám sát thường xuyên tình hình tài chính và khả năng thực hiện nghĩa vụ của đối tác, đồng thời xây dựng kế hoạch dự phòng với phương án đối tác thay thế. Trong năm 2025, NVS không ghi nhận tổn thất đáng kể từ rủi ro đối tác.



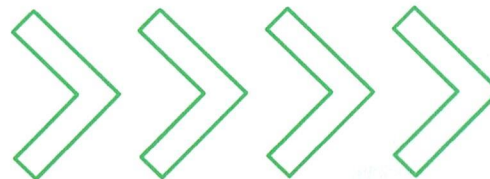
RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý có thể gây tác động nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh và uy tín của NVS, phát sinh từ việc không tuân thủ quy định pháp lý, hợp đồng ký kết không đầy đủ, hoặc thiếu sót trong quy trình vận hành dẫn đến tranh chấp với đối tác và khách hàng. NVS quản lý rủi ro này theo hướng chủ động phòng ngừa: thường xuyên cập nhật và phổ biến quy định pháp luật mới đến toàn bộ đội ngũ, xây dựng và duy trì hệ thống thư viện văn bản pháp luật cập nhật liên tục, thiết lập quy trình kiểm tra pháp lý bắt buộc cho mọi hợp đồng và thỏa thuận trước khi ký kết, và xây dựng hệ thống hợp đồng mẫu cho từng loại dịch vụ để tiêu chuẩn hóa quy trình và giảm thiểu sai sót. Năm 2025, Công ty không phát sinh tranh chấp hay kiện tụng đáng kể với đối tác hoặc khách hàng, tạo dựng được môi trường vận hành an toàn về pháp lý và củng cố nền tảng pháp lý vững chắc cho sự phát triển bền vững.



CHƯƠNG II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025





Bối cảnh thế giới 2025

Năm 2025 chứng kiến nền kinh tế toàn cầu vận hành trong bối cảnh địa chính trị chuyển biến sâu sắc. Các cuộc xung đột vũ trang tiếp tục kéo dài tại Ukraine và Trung Đông gây áp lực lớn lên chuỗi cung ứng năng lượng và lương thực toàn cầu, trong khi sự căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc leo thang thêm một nấc mới sau khi chính quyền Mỹ áp dụng hàng loạt biện pháp thuế quan bổ sung nhằm mục đích trừng phạt. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới đã cho thấy sức chống chịu đáng kể nhờ thị trường lao động vẫn duy trì được sự vững chắc, tiêu dùng nội địa phục hồi tại phần lớn các quốc gia phát triển và chính sách tiền tệ dần nới lỏng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho dòng vốn lưu thông.

Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới tiếp tục có những diễn biến phân kỳ rõ nét hơn. Mỹ duy trì đà tăng trưởng tương đối ổn định trong 2025, được hỗ trợ bởi chỉ tiêu tiêu dùng khỏe mạnh và thị trường việc làm tích cực, dù lo ngại về thâm hụt ngân sách và áp lực lạm phát từ chính sách thuế quan mới vẫn còn hiện hữu. Kinh tế khu vực Châu Âu tiếp tục đối mặt với mức chi phí năng lượng cao và sự phục hồi một cách chậm chạp của nền sản xuất công nghiệp đặc biệt tại Đức. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn đang phải vật lộn với bài toán chuyển đổi mô hình tăng trưởng và giải quyết khoản nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản, dù các gói kích thích tài khóa bổ sung từ chính phủ đã phần nào hỗ trợ hoạt động sản xuất và xuất khẩu.

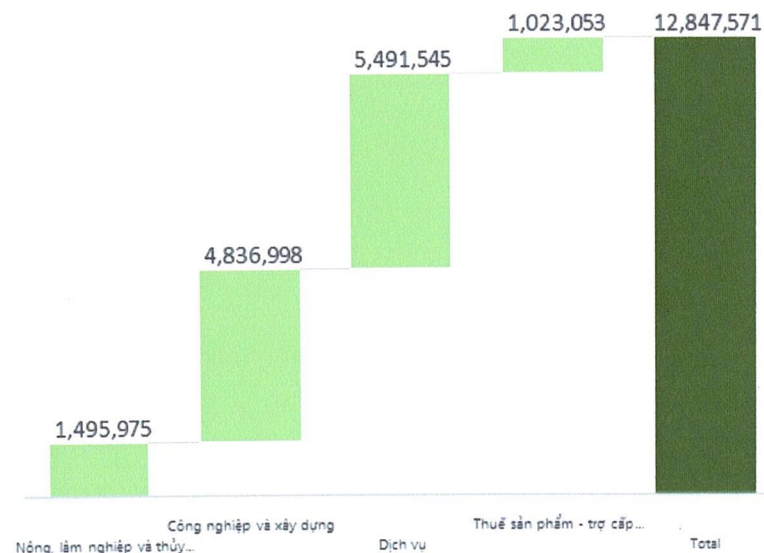
Tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định, nền kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận kết quả tăng trưởng cực kỳ nổi bật. Tổng sản phẩm trong nước (GDP quý IV/2025 tăng trưởng 8.46% svck, đạt mức cao nhất của các quý IV các năm trong suốt giai đoạn từ 2011-2025, và tiếp tục duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước. GDP 2025 tăng 8.02%, chỉ thấp hơn 2022 giai đoạn hậu COVID, cao nhất ASEAN theo đa số tổ chức quốc tế. Quy mô nền kinh tế hiện tại đạt 12,847.6 nghìn tỷ (~\$514 tỷ) với GDP đầu người ~\$5,026, chính thức bước vào nhóm có thu nhập trung bình cao

Cơ cấu tăng trưởng năm 2025 thể hiện sự cân bằng một cách tích cực hơn, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của cả cầu nội địa lẫn sản xuất xuất khẩu:

- Nông-lâm-ngư tăng 3.78%, đóng góp 5.3 điểm phần trăm và tăng trưởng
- Công nghiệp & xây dựng tăng 8.95% đóng góp 43.26%
- Dịch vụ tăng 8.62%, đóng góp 51.08%

Điều này giúp giảm sự phụ thuộc vào một trụ cột duy nhất, đồng thời cho thấy cầu nội địa (dịch vụ, bán lẻ, du lịch) hồi phục tốt: với tổng bán lẻ & dịch vụ tiêu dùng tăng 9.2% danh nghĩa và 6.7% thực.



Tổng quan thương mại 2025

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 2025 đạt \$930.05 tỷ, tăng 18.2% svck, lập kỷ lục mới về quy mô thương mại. Cơ cấu thương mại cho thấy:

- Xuất khẩu: ~\$475.04 tỷ, tăng 17% YoY
- Nhập khẩu: ~\$455.01 tỷ, tăng 19.4% YoY
- Cán cân thương mại xuất siêu: ~\$20.03 tỷ

Phân tích chi tiết cơ cấu Xuất - nhập khẩu theo từng khu vực kinh tế:

Chi tiêu	Khu vực FDI	Doanh nghiệp nội địa	Chênh lệch
Xuất khẩu	\$367.09 tỷ Tăng 26.1% YoY	\$107.95 tỷ, Giảm 6.1% YoY	Khu vực FDI chiếm ~77% kim ngạch XK và là động lực tăng trưởng chính
Nhập khẩu	\$317.63 tỷ Tăng 31.9% YoY	\$137.38 tỷ Giảm 2% YoY	Nhập khẩu FDI tăng mạnh để phục vụ mở rộng sản xuất, doanh nghiệp nội gần như đi ngang
Cán cân thương mại	Xuất siêu ~49.46 tỷ USD	Nhập siêu ~29.43 tỷ USD	Toàn bộ xuất siêu của nền kinh tế đến từ FDI, doanh nghiệp nội nhập siêu sâu

Tính trên toàn nền kinh tế Việt Nam, nước ta vẫn xuất siêu 20.04 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu như loại trừ khu vực FDI, khu vực kinh tế trong nước chuyển sang nhập siêu khoảng 29.4 tỷ USD - phản ánh rõ về sự tụt hậu của doanh nghiệp nội trong chuỗi giá trị toàn cầu và mức độ phụ thuộc cao và hàng hóa trung gian, máy móc cũng như nguyên liệu nhập khẩu.

Lạm phát

Trong năm 2025, lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng hạ nhiều so với giai đoạn đỉnh điểm 2022-2023, tuy nhiên mức độ giảm không đồng đều giữa các khu vực. Lạm phát khu vực OECD tiếp tục được kiểm soát trong biên độ mục tiêu của phần lớn các ngân hàng trung ương, tạo điều kiện để các cơ quan điều hành tiền tệ tại Mỹ, Châu Âu và một số nền kinh tế lớn tiếp tục chu kỳ nới lỏng lãi suất.

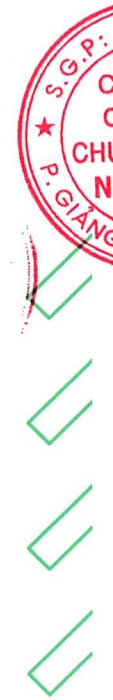
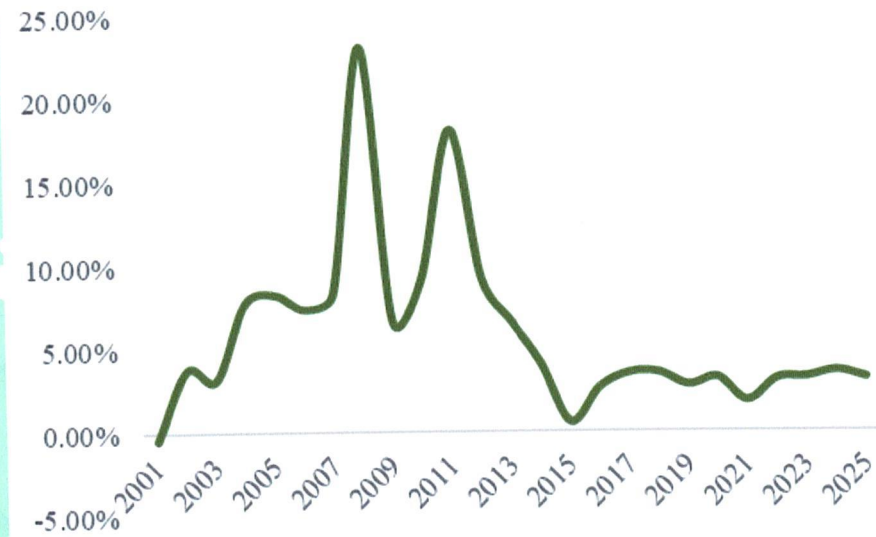
Tại Việt Nam, chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2025 được điều hành linh hoạt trong khuôn khổ mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ. Áp lực lạm phát trong nước chịu tác động từ cả phía cầu (tiêu dùng hồi phục) và lẫn phía cung (giá năng lượng, nguyên vật liệu nhập khẩu biến động theo thị trường quốc tế), song nhìn chung được duy trì ở mức kiểm soát được điều hành chủ động của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý

Môi trường đầu tư - đầu tư và FDI là điểm sáng rõ rệt xuyên suốt 2025

Bất chấp những biến động địa chính trị và lo ngại về chính sách thuế quan toàn cầu, đầu tư và dòng vốn FDI là điểm sáng rõ rệt của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12.1 % mạnh hơn nhiều so với 7.8% của 2025, trong đó khu vực Nhà nước +19.7%, ngoài Nhà nước +8.4%, FDI +11.7%. FDI giải ngân 27.62 tỷ USD (+9% YoY), đây là mức cao nhất trong suốt 5 năm, bất chấp bối cảnh thuế quan và địa chính trị phức tạp, tổng đăng ký mới và bổ sung xấp xỉ 38.4 tỷ USD. Đáng chú ý, xuất khẩu sang Mỹ tăng 27.2% đạt 138 tỷ USD.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự phân cực rõ rệt giữa khu vực FDI và khu vực kinh tế tổng nước (xuất khẩu giảm 17.5% trong tháng 11). Điều này cho thấy sức khỏe của doanh nghiệp nội địa đang suy yếu và chưa thể kết nối hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Xuất khẩu sang thị trường Mỹ - vốn là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, tăng trưởng với con số ấn tượng là 27.2% đạt 138 tỷ USD, phản ánh xu hướng dịch chuyển chuỗi sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam vẫn đang tiếp diễn mạnh mẽ. Tuy nhiên, sự phân cực giữa khu vực FDI và khu vực kinh tế tư nhân trong nước vẫn là bài toán cần giải quyết, khi xuất khẩu của các doanh nghiệp nội địa chưa theo kịp đà tăng trưởng chung.



Sản xuất công nghiệp

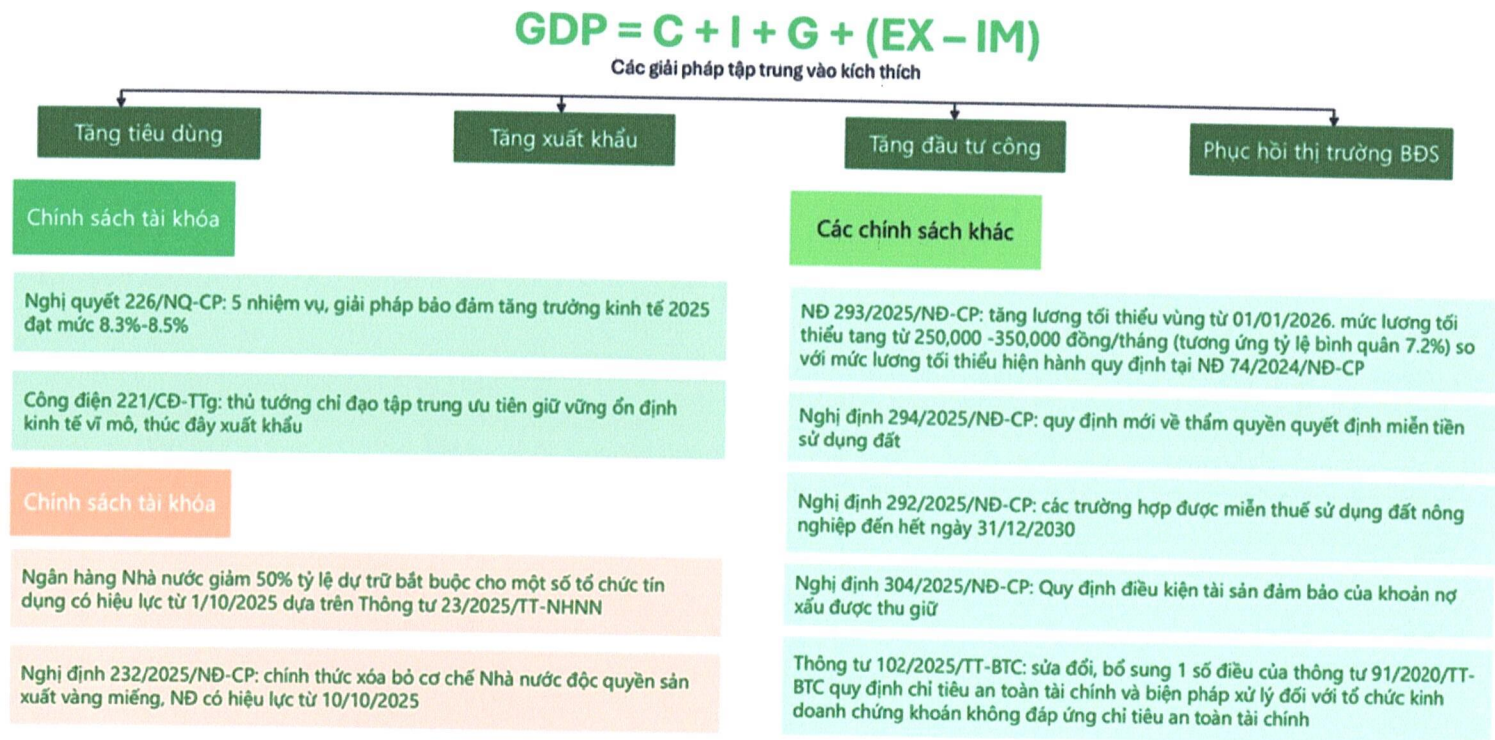
Sản xuất công nghiệp năm 2025 tiếp tục đà phục hồi được khởi động từ cuối năm 2024. Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, được dẫn dắt chủ yếu bởi ngành chế biến, chế tạo - nhất là các lĩnh vực từ dệt may, điện tử, giày dép và ô tô - hưởng lợi trực tiếp từ dòng chảy đơn hàng chuyển dịch từ Trung Quốc. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành chế biến, chế tạo cũng ghi nhận mức tăng khả quan, trong khi tỷ lệ tồn kho tiếp tục xu hướng giảm dần về mức hợp lý

Chính sách tiền tệ

Chính sách tiền tệ 2025 tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước điều hành theo hướng linh hoạt, chủ động và thích ứng với diễn biến thị trường trong và ngoài nước. Lãi suất điều hành được duy trì ở mức hỗ trợ tăng trưởng, trong khi mặt bằng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng được kiểm soát hợp lý, tạo điều kiện giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp.

Tỷ giá USD/VND năm 2025 có những biến động nhất định, chịu tác động từ chu kỳ lãi suất của FED, diễn biến thị trường tài chính toàn cầu và xu hướng dòng vốn vào Việt Nam. Nhìn chung, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với cung cầu của thị trường, góp phần bình ổn kinh tế vĩ mô và hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu.

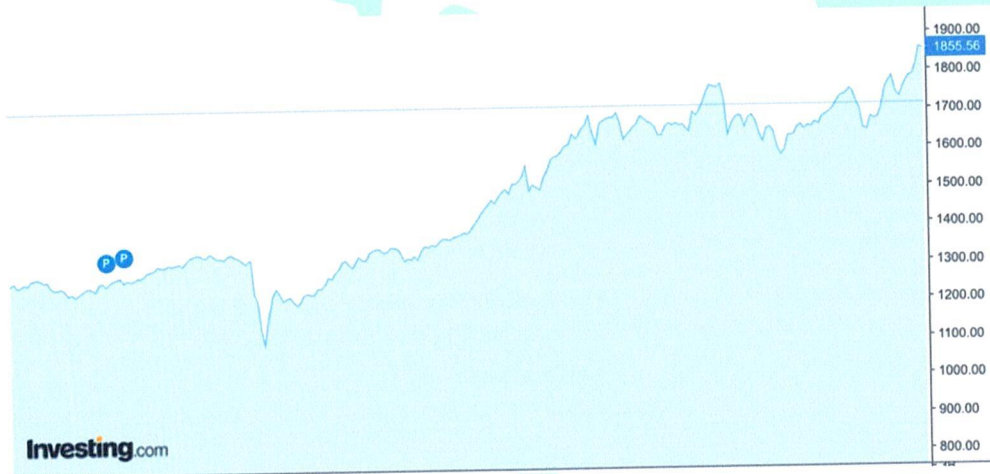
Một số chính sách nổi bật trong 2025:



Thị trường Chứng khoán Việt Nam 2025

Thị trường Chứng khoán Việt Nam 2025 vận hành trong bối cảnh kinh tế vĩ mô thuận lợi hơn, với GDP tăng trưởng mạnh đạt mục tiêu 2 con số 10% của chính phủ, lãi suất duy trì ở mức thấp và kỳ vọng nâng hạng thị trường tiếp tục được thảo luận tích cực. Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng 40,87% tính theo chỉ số VN-Index, là tốc độ tăng trưởng kỷ lục trong vòng 8 năm trở lại đây. Thanh khoản thị trường được cải thiện so với năm trước nhờ sự tham gia ngày càng tích cực của nhà đầu tư cá nhân trong nước. Hệ thống giao dịch KRX tiếp tục được các công ty chứng khoán hoàn thiện chuẩn bị triển khai theo lộ trình của cơ quan quản lý.

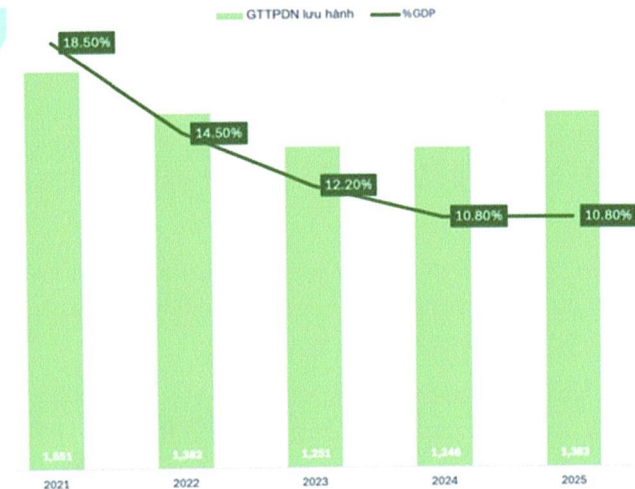
Mặc dù chịu ảnh hưởng từ môi trường quốc tế biến động, bao gồm chính sách thuế quan của Mỹ và xung đột địa chính trị leo thang tại nhiều quốc gia, TTCK Việt Nam năm 2025 vẫn duy trì hoạt động ổn định, an toàn, minh bạch và có thanh khoản cao. TTCK giữ vững xu hướng tăng trưởng tích cực so với các thị trường trong khu vực, tiếp tục khẳng định vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế.



Thị trường Trái phiếu

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã đạt được những bước tiến vững chắc trong năm 2025, tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới. Tính đến cuối năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt trên 1,4 triệu tỷ đồng, tương đương 11% GDP. Hoạt động phát hành mới sôi động, trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư cải thiện. Tỷ lệ trái phiếu chậm trả giảm đáng kể trong năm, đi cùng với tỷ lệ hoàn trả tăng nhờ hiệu quả của hoạt động tái cấu trúc tại một số tổ chức phát hành và tình hình kinh doanh của ngành cải thiện.

Năm 2025 đánh dấu bước phục hồi đáng kể và có chiều sâu hơn của thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam sau giai đoạn tái cấu trúc kéo dài. Tổng giá trị phát hành TPDN trong năm 2025 đạt 621,672 tỷ đồng, trong đó phát hành ra công chúa đạt 55,354 tỷ đồng và phát hành riêng lẻ đạt 566,318 tỷ đồng, với tổng số 578 đợt phát hành. Con số này cho thấy mức tăng trưởng ấn tượng so với 443,000 tỷ đồng năm 2024, phản ánh niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư vào thị trường đang dần trở lại.



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Doanh thu hoạt động

Dựa trên bảng số liệu chi tiết doanh thu hoạt động nêu trên, có thể thấy doanh thu của NVS năm 2025 có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2024.

- So với năm 2024, doanh thu của nghiệp vụ Tự doanh có sự bùng nổ mạnh mẽ. Điều này dễ hiểu bởi chịu ảnh hưởng tích cực của diễn biến thị trường chứng khoán khởi sắc, phức tạp và biến động không ngừng, sự biến động về giá chứng khoán dẫn đến hoạt động tự doanh đạt hiệu quả vượt trội và đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận của công ty. Năm 2025, công ty đã chuyển đổi chiến lược thành công từ trái phiếu sang cổ phiếu, phù hợp với xu hướng thị trường. Doanh thu nghiệp vụ môi giới có khởi sắc, tăng nhiều so với năm 2024 tuy nhiên doanh thu môi giới vẫn chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong tổng doanh thu của công ty. Đặc biệt, mảng tư vấn và bảo lãnh tăng trưởng đột phá gấp nhiều lần, là tín hiệu tích cực cho thấy công ty bắt đầu khai thác hiệu quả mảng này.

- Doanh thu của công ty tăng mạnh so với năm ngoái do bối cảnh thị trường chứng khoán chung trong năm rất thuận lợi, nền kinh tế tăng trưởng cao, các dịch vụ tài chính phục vụ cho nhà đầu tư cũng không ngừng được gia tăng.

Chi phí hoạt động

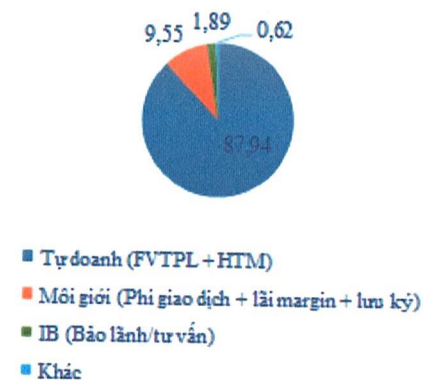
Một trong những điểm sáng của kết quả kinh doanh năm 2025 là khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả của công ty. Tổng chi phí tăng từ 52,9 tỷ đồng lên 57,3 tỷ đồng, tăng 4,4 tỷ đồng tương đương 8,3%. Trong khi đó, doanh thu tăng 33,7 tỷ đồng tương đương 47,5%. Điều này cho thấy công ty đã tăng trưởng mạnh về doanh thu trong khi vẫn kiểm soát chi phí ở mức ổn định.

Tỷ lệ chi phí trên doanh thu giảm mạnh từ 74,5% xuống còn 54,7%, giảm gần 20%. Đây là minh chứng cho hiệu quả hoạt động được cải thiện đáng kể, phản ánh hiệu quả và khả năng quản lý chi phí chặt chẽ của ban lãnh đạo công ty.

▶▶▶ Nhờ thị trường chứng khoán khởi sắc cùng với việc đẩy mạnh hoạt động tự doanh cổ phiếu, doanh thu của công ty tăng trưởng đáng kể. Đồng thời, việc kiểm soát chi phí hiệu quả hơn so với tốc độ tăng doanh thu đã góp phần cải thiện rõ rệt lợi nhuận.

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng/Giảm
Tổng doanh thu	104.7 tỷ	71.0 tỷ	47.50%
Lợi nhuận sau thuế	34.8 tỷ	1.8 tỷ	1,833%
Tổng tài sản	379 tỷ	329 tỷ	15.20%
Vốn chủ sở hữu	375 tỷ	324 tỷ	15.70%
Tổng chi phí	57.3 tỷ	52.9 tỷ	8.30%

Cơ cấu tỷ trọng doanh thu của NVS

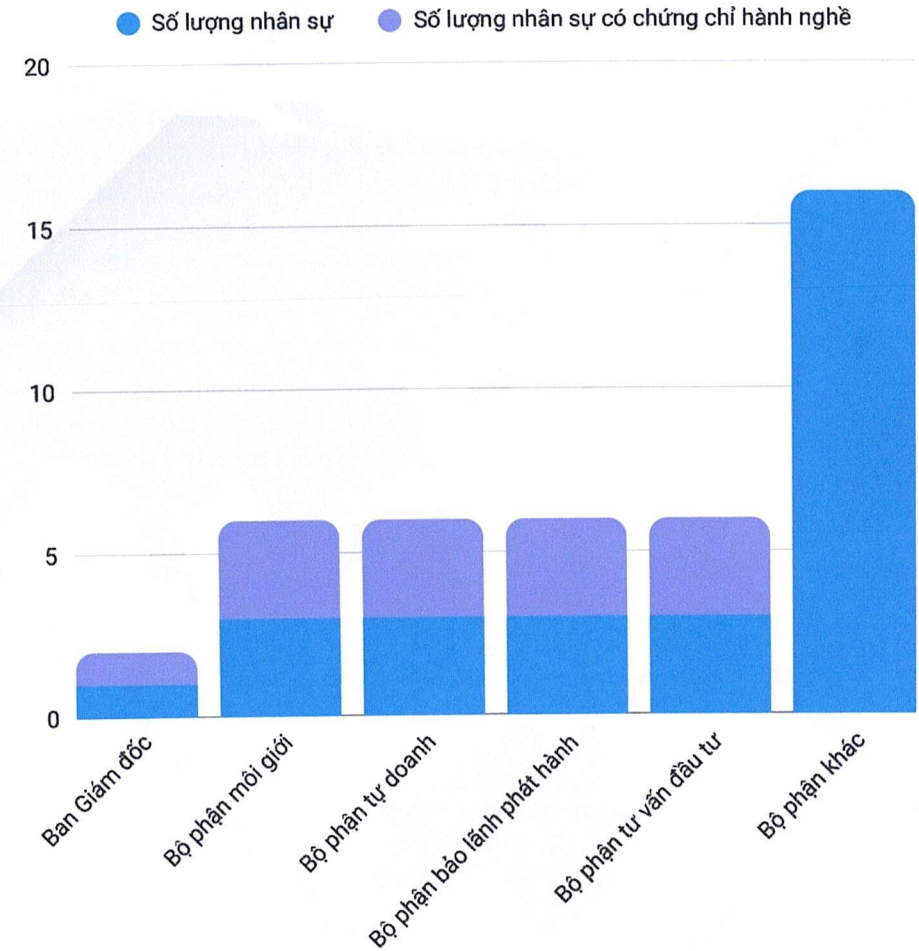


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban Điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Kinh nghiệm
1	Ông Đặng Huy Phong	Tổng Giám đốc	Ông Đặng Huy Phong là Cử nhân Luật Thương mại Quốc tế, có 11 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, từng giữ chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán lớn
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán
3	Ông Ngô Văn Doanh	Giám đốc Vận hành Giám đốc Khối Môi giới	Cử nhân Quản trị kinh doanh
4	Ông Lê Xuân Trường	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Cử nhân Công nghệ thông tin
5	Bà Mai Thị Hồng	Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư	Cử nhân Tài chính kế toán

Cơ cấu nhân sự năm 2025





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Con người không chỉ là tài nguyên quý giá, mà còn là động lực then chốt thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS). Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, đặc biệt trong năm 2025 – năm ghi dấu nhiều thành tựu nổi bật nhất trong lịch sử 17 năm hoạt động – NVS luôn xác định rằng con người chính là yếu tố nền tảng cho mọi thành công của công ty. Chính vì vậy, việc đầu tư vào nguồn nhân lực đã trở thành kim chỉ nam, là chiến lược xuyên suốt và là mục tiêu trọng yếu để công ty vươn tới các thành công bền vững trong tương lai.

NVS cũng nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc duy trì một đội ngũ nhân viên vững mạnh và đồng lòng. Mỗi thành viên trong công ty đều đóng góp một phần quan trọng vào việc xây dựng văn hóa công ty, tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nơi mà mọi người có thể hợp tác và cùng nhau hướng đến các mục tiêu chung. Chính đội ngũ nhân viên đầy nhiệt huyết và tài năng này đã là nhân tố cốt lõi giúp NVS vượt qua những thử thách trong quá trình phát triển, đồng thời tạo nên kết quả kinh doanh đột phá trong năm 2025.

Với chiến lược phát triển bền vững, NVS cam kết không chỉ tập trung vào các yếu tố tài chính hay công nghệ, mà còn chú trọng đến việc xây dựng một lực lượng lao động có trình độ, năng lực và phẩm chất cao. Sự phát triển của nguồn nhân lực luôn gắn liền với mục tiêu nâng cao giá trị công ty, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất và mang lại lợi ích lâu dài cho các cổ đông.

Năm 2025, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 29 người với 13 nhân viên có chứng chỉ hành nghề. Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên (chiếm 100%). Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS hướng đến sự duy trì, ổn định hệ thống tổ chức và nhằm bảo đảm chất lượng nhân sự. Điều này không chỉ thể hiện sức bền và sự gắn kết nội bộ của NVS mà còn là nền tảng vững chắc bảo đảm cho mọi hoạt động của công ty vận hành thông suốt, hiệu quả và nhất quán trong dài hạn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiếp tục duy trì hoạt động đầu tư với danh mục tập trung vào cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp. Trong năm 2025, hoạt động đầu tư vào cổ phiếu của Công ty tập trung vào hai mã chứng khoán chính là HHV và SBT. Cụ thể, Công ty nắm giữ 4.200.000 cổ phiếu HHV với giá trị đầu tư đạt 40.955 triệu đồng. Bên cạnh đó, khoản đầu tư vào mã SBT ghi nhận khối lượng 2.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị 36.636 triệu đồng. Đối với danh mục trái phiếu, Công ty đã thực hiện các hoạt động giao dịch sôi động trong kỳ. Tổng giá trị mua vào trái phiếu niêm yết (TPNY) đạt 1.227,60 triệu đồng. Đáng chú ý nhất là phân khúc trái phiếu chưa niêm yết (TP chưa NY) với giá trị mua trong kỳ đạt 342.026,14 triệu đồng và giá trị bán ra lên tới 375.520,43 triệu đồng. Ngoài ra, đối với trái phiếu riêng lẻ (TPRL), Công ty ghi nhận giao dịch mua và bán cân bằng ở mức 1,12 triệu đồng. Tính đến thời điểm cuối kỳ, tổng giá trị đầu tư (GTĐT) của Công ty đạt 177.045,83 triệu đồng. Cơ cấu danh mục đầu tư cuối kỳ được phân bổ chủ yếu vào thị trường cổ phiếu, cụ thể:

- Cổ phiếu niêm yết (NY): Đạt giá trị 153.241,52 triệu đồng, đóng vai trò là trọng tâm trong danh mục tài sản.
- Cổ phiếu trên sàn UPCOM: Ghi nhận giá trị 23.804,31 triệu đồng.

Sự phân bổ này cho thấy chiến lược của Công ty trong năm 2025 tập trung mạnh vào các cổ phiếu có tính thanh khoản cao trên sàn niêm yết, đồng thời duy trì sự hiện diện tại thị trường UPCOM và linh hoạt điều phối dòng vốn thông qua các giao dịch trái phiếu chưa niêm yết trong kỳ.

Các dự án lớn

Trong năm 2025, Công ty không có dự án kinh doanh lớn nào

Các công ty con, công ty liên kết

Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

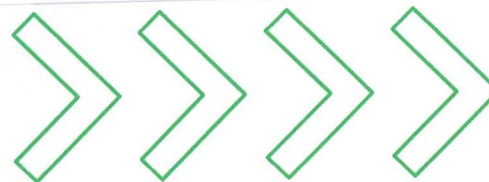
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (đơn vị: Triệu đồng)	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	329,618	379,195	+15.04%
Tài sản ngắn hạn	318,443	363,843	+14.26%
Doanh thu hoạt động	71,198	104,736	+47.10%
Lợi nhuận trước thuế	8,054	38,798	+381.80%
Lợi nhuận sau thuế	1,914	36,022	+1,782%

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025	Ghi chú
Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSNH/Nợ NH	Lần	61,42	288,2	
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Nợ/TTS	Lần	1,57	1,06	
+ Nợ/VCSH	Lần	1,6	1,07	
Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu hoạt động/TTS	%	21,6	27,6	
Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ LNST/Doanh thu hoạt động	%	2,69	34,4	
+ LNST/VCSHbq	%	0,59	10,3	
+ LNST/TTsbq	%	0,27	10,2	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần

Thông tin cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày 31/12/2025:

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	25.200.000	CỔ PHẦN
SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH	25.200.000	CỔ PHẦN
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	25.200.000	CỔ PHẦN
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	CỔ PHẦN

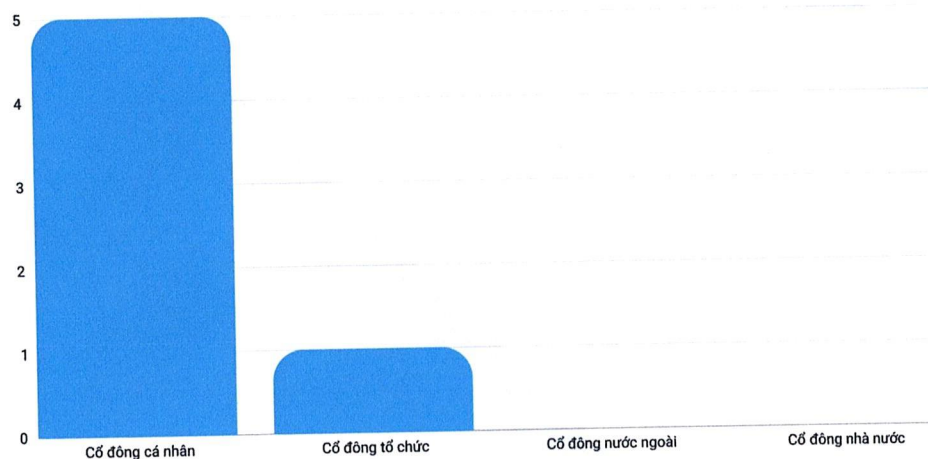
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Giá trị tăng trong kỳ (tỷ đồng)	Ghi chú
01	16/05/2008	42	0	Vốn điều lệ ban đầu
02	27/04/2009	35,1	- 6,9	Chuyển nhượng, thay đổi cơ cấu
03	19/05/2011	161	125,9	Chào bán riêng lẻ
04	14/05/2015	187	26	Chào bán riêng lẻ
05	13/10/2021	252	65	Chào bán riêng lẻ

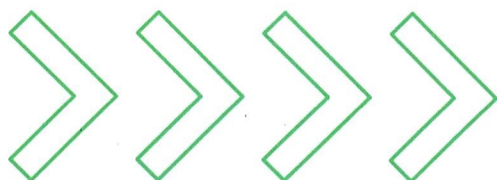


Cơ cấu cổ đông

Thông tin cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2024:



Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
Các chứng khoán khác: không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nước và sử dụng hiệu quả

Tiếp nối mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực, trong năm tài chính 2025, nguồn nước sử dụng tại Công ty tiếp tục được cung cấp chủ yếu cho các hoạt động hành chính và vận hành văn phòng. Do tính chất ngành nghề dịch vụ tài chính, Công ty không phát sinh nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp. Toàn bộ chi phí nước được hạch toán minh bạch dựa trên chỉ số tiêu thụ thực tế hàng tháng.

Công ty chú trọng việc tuyên truyền và thúc đẩy văn hóa tiết kiệm tài nguyên (điện, nước, giấy) đến từng cá nhân, phòng ban. Việc sử dụng nước tiết kiệm không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn thể hiện ý thức giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường bền vững của doanh nghiệp.



Tác động lên môi trường

Không có



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Không có



Tiêu thụ năng lượng

Không có

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Do đặc thù hoạt động văn phòng, Công ty không có hệ thống tái chế và tái sử dụng nước tại chỗ.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho công tác phát triển nguồn nhân lực. Các khối chuyên môn và nghiệp vụ đã chủ động tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu, cập nhật kiến thức pháp luật và nghiệp vụ chứng khoán mới nhất do các cơ quan quản lý (UBCKNN, các Sở Giao dịch), hiệp hội ngành nghề và các chuyên gia nội bộ tổ chức.

Công tác đào tạo năm nay chú trọng vào việc nâng cao năng lực tư vấn, quản trị rủi ro và ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh.

Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Kiên định với triết lý "Người lao động là tài sản quý giá nhất", trong năm 2025, Công ty đã kiện toàn và nâng cao hệ thống chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi toàn diện cho đội ngũ cán bộ nhân viên. Môi trường làm việc tại trụ sở và các chi nhánh tiếp tục được duy trì theo tiêu chuẩn hiện đại, an toàn và chuyên nghiệp, tạo không gian tối ưu cho cả làm việc tập trung và tái tạo năng lượng.

Công ty duy trì định kỳ các chương trình chăm sóc sức khỏe thiết thực như: kiểm tra sức khỏe tổng quát hàng năm và các chương trình bồi dưỡng kiến thức về an toàn vệ sinh lao động. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ bảo hiểm theo quy định, Công ty tiếp tục triển khai và mở rộng các gói phúc lợi tự nguyện nhằm gia tăng sự gắn kết:

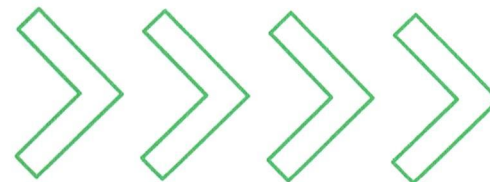
- Bảo hiểm sức khỏe cao cấp (Healthcare): Mở rộng đối tượng và hạn mức chi trả.
- Chính sách hỗ trợ gia đình: Duy trì phụ cấp nuôi con nhỏ, hỗ trợ thai sản và chế độ nghỉ phép linh hoạt cho nhân sự có con nhỏ.
- Hoạt động gắn kết: Tổ chức thành công chương trình nghỉ dưỡng hè, các giải chạy bộ/thể thao nội bộ và các ngày hội văn hóa doanh nghiệp.

Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường làm việc bao trùm, nơi sự khác biệt được tôn trọng và mọi ý kiến đóng góp đều được lắng nghe. Hệ thống lương thưởng, lộ trình thăng tiến và các chương trình vinh danh cá nhân xuất sắc được thực hiện minh bạch, công bằng, tạo động lực mạnh mẽ để mỗi người lao động yên tâm công tác và đóng góp vào sự phát triển bền vững của tổ chức.

Để tối ưu hóa sức khỏe và tinh thần cho đội ngũ nhân sự, trong năm 2025, Công ty đã thành lập Câu lạc bộ Pickleball, tạo sân chơi thể thao hiện đại và năng động cho cán bộ nhân viên tham gia sau giờ làm việc. Hoạt động này không chỉ giúp giảm căng thẳng, nâng cao sự dẻo dai mà còn là cầu nối quan trọng thúc đẩy sự giao lưu, gắn kết giữa các phòng ban, từ đó xây dựng một tập thể đoàn kết, tràn đầy năng lượng và cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của tổ chức.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Tình hình hoạt động

1. Báo cáo các hoạt động phát triển cộng đồng và xã hội

Năm 2025, cán bộ nhân viên NVS tiếp tục tích cực tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng và môi trường. Công ty tổ chức chiến dịch hiến máu nhân đạo với sự tham gia của 10 cán bộ nhân viên, chiếm hơn 30% tổng quân số, với lượng máu hiến từ 250ml đến 350ml/người/lần. Đây là hoạt động thường niên thể hiện tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội của toàn thể NVS.

Nhân viên Công ty cũng tích cực tham gia chuỗi hoạt động sống xanh và sẻ chia tại tòa nhà, bao gồm:

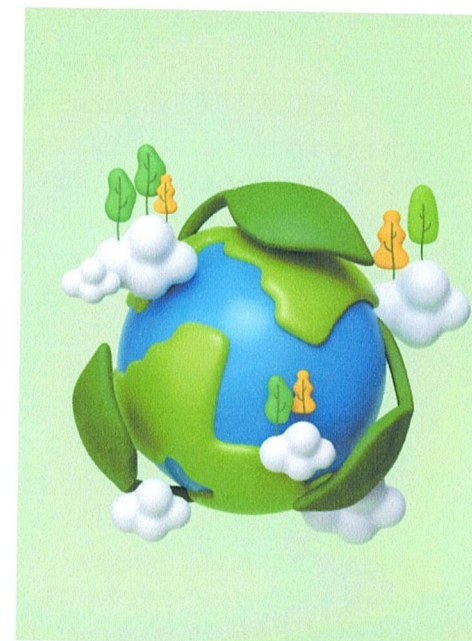
- Eco Day: chương trình đổi rác lấy quà nhằm nâng cao nhận thức về tái chế;
- Food Drive: quyên góp thực phẩm hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn; và
- Flea Market: chợ phiên tái sử dụng đồ dùng, thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm.

Những hoạt động này không chỉ tạo dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực mà còn góp phần lan tỏa lối sống bền vững trong cộng đồng.

2. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

Với đặc thù là công ty dịch vụ tài chính, tác động trực tiếp đến môi trường của NVS chủ yếu phát sinh từ tiêu thụ năng lượng và phát sinh chất thải văn phòng. Công ty triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong vận hành hàng ngày, bao gồm: cài đặt nhiệt độ điều hòa không khí ở mức tối ưu, tắt thiết bị điện sau giờ làm, sử dụng đèn LED tiết kiệm điện và khuyến khích văn hóa sử dụng năng lượng có ý thức.

Chất thải văn phòng được phân loại tại nguồn và xử lý theo đúng quy định: rác tái chế (carton, giấy, bao bì) được thu gom riêng; mực in được tái sử dụng thông qua bơm nạp thay vì thay hộp mới; thiết bị hư hỏng (máy tính, bàn phím, đèn điện) được phân loại và xử lý đúng quy trình, hạn chế phát thải ra môi trường. Hệ thống văn phòng phê duyệt điện tử (Epaperless) triển khai trong năm 2025 cũng góp phần giảm đáng kể lượng giấy sử dụng trong hoạt động nội bộ.



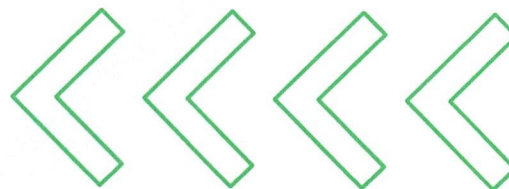
BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không có

CHƯƠNG III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Đánh giá kết quả hoạt động chung

Năm 2025 đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện trong kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. Trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô tích cực, thị trường vốn đã từng bước phục hồi, cùng với nỗ lực tái cơ cấu nội bộ đã phát huy hiệu quả. NVS đã đạt được bước nhảy vọt đáng kể về cả quy mô doanh thu lẫn hiệu quả sinh lời. Doanh thu tăng 47,1% và lợi nhuận sau thuế phục hồi lên 36 tỷ đồng sau một năm 2024 đầy thách thức không phải là kết quả của sự may mắn, mà là thành quả của những quyết định tái cơ cấu đã được thực hiện kiên định từ năm 2023–2024. Đó là quyết định đầu tư mạnh vào nâng cấp hệ thống công nghệ (FO–FE, Margin, bảo mật), tái định vị danh mục đầu tư tự doanh theo hướng an toàn và hiệu quả hơn, và tập trung phát triển Khối IB trong mảng tư vấn năng lượng, lĩnh vực mà NVS đã xây dựng được năng lực chuyên sâu và quan hệ đối tác chiến lược độc đáo.

Kết quả hoạt động theo từng bộ phận năm 2025

Khối dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Khối dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB) tiếp tục là một trong những điểm sáng chiến lược của NVS trong năm 2025. Doanh thu IB đạt 1.975 tỷ đồng, tăng 122.8% so với năm 2024, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong tất cả các nghiệp vụ, thể hiện sự trưởng thành rõ nét về năng lực tư vấn và năng lực bắt nhịp với thị trường.

Trong năm 2025, Khối IB đã hoàn thành thành công 5 thương vụ tư vấn chủ chốt, chi tiết dưới bảng sau đây:

Điểm nổi bật nhất trong năm 2025 là mối quan hệ hợp tác chiến lược với China Huaneng Group Hong Kong Limited, đây là đối tác mà NVS đã duy trì trong suốt 3 năm qua – đơn vị đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn Huaneng, một trong những tập đoàn năng lượng hiện xếp vị trí thứ 2 tại Trung Quốc. NVS thực hiện cung cấp báo cáo phân tích chuyên sâu về thị trường năng lượng Việt Nam hàng tháng, đồng thời giới thiệu các cơ hội đầu tư vào dự án điện gió và điện mặt trời, qua đó khẳng định vị thế là đối tác tư vấn đáng tin cậy trong lĩnh vực này.

STT	Thương vụ đã hoàn thành	Thời gian
1	Tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu Eximbank và hỗ trợ công bố thông tin	Tháng 11/2024 – Tháng 5/2025
2	Tư vấn hồ sơ lưu ký tập trung trái phiếu Eximbank	Tháng 11/2024 – Tháng 11/2025
3	Báo cáo phân tích và giới thiệu cơ hội đầu tư vào thị trường năng lượng Việt Nam hàng tháng cho China Huaneng Group Hong Kong Limited	Tháng 09/2024 – Tháng 8/2025
4	Tư vấn hồ sơ hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu SQC	Tháng 07/2024 – Tháng 12/2025
5	Tư vấn hồ sơ tái cấu trúc CTCP Tư vấn Xây dựng điện 1	Tháng 03/2024 – Tháng 12/2025

Khối dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Bên cạnh các thương vụ đã hoàn thành, Khối IB hiện đang triển khai song song 4 dự án quan trọng khác, chi tiết được trình bày trong bảng dưới đây:

STT	Thương vụ	Chi tiết thương vụ
1	Tư vấn phát hành thêm cổ phiếu cho công đồng hiện hữu SGT	- Tư vấn và soạn hồ sơ, hỗ trợ khách hàng và giải trình các vấn đề với Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch TP HCM
2	Báo cáo phân tích và giới thiệu cơ hội đầu tư vào thị trường năng lượng Việt Nam hàng tháng cho China Huaneng Group Hongking Limited	- Tiếp tục cung cấp báo cáo chuyên sâu thị trường năng lượng Việt Nam hàng tháng bao gồm: cập nhật các chính sách mới của EVN, các bộ, ban ngành - Tìm kiếm và giới thiệu cho khách hàng các cơ hội đầu tư vào các dự án năng lượng như điện gió, điện mặt trời
3	Tư vấn đánh giá hiệu quả và tái cấu trúc tài chính cho CTCP Điện Đạ Sar	Đã hoàn thành báo cáo, tiếp tục follow để tắt toán hợp đồng
4	Tư vấn M&A dự án điện mặt trời Nhị Hà	Tiếp tục giới thiệu các nhà đầu tư mới cho dự án điện

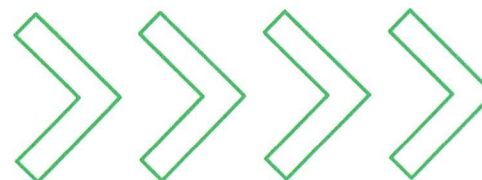
Kế hoạch Pipeline trong năm 2026:

Trên nền tảng kinh nghiệm và mối quan hệ với khách hàng đã tích lũy qua các thương vụ trong năm 2024 – 2025, Khối IB xây dựng kế hoạch phát triển năm 2026 theo 4 nhóm dịch vụ trọng tâm, với định hướng khai thác chuyên sâu các lĩnh vực mà NVS có lợi thế cạnh tranh khác biệt:

(a) Tư vấn lĩnh vực năng lượng – trụ cột chiến lược dài hạn

Năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng tiếp tục là mảng ưu tiên số một của Khối IB trong năm 2026. Việt Nam đang đối mặt với bài toán đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh nhu cầu điện tăng trưởng bình quân 10-12%/năm để phục vụ mục tiêu GDP tăng trưởng 2 con số, trong quy hoạch điện VIII đặt ra lộ trình phát triển năng lượng tái tạo đầy tham vọng với tổng công suất điện gió và điện mặt trời dự kiến đạt trên 100GW vào năm 2030. Chính sách Chính phủ đang ngày càng rõ ràng theo hướng khuyến khích khu vực tư nhân bao gồm cả nhà đầu tư nước ngoài, tham gia đầu tư vào hạ tầng năng lượng thông qua cơ chế đấu thầu và hợp đồng mua bán điện trực tiếp DPPA

Trong bối cảnh đó, NVS với kinh nghiệm thực tiễn qua các thương vụ tư vấn M&A và dịch vụ phân tích thị trường năng lượng cung cấp định kỳ cho đối tác chiến lược China Huaneng Group. Cụ thể Khối IB dự kiến triển khai 4 nhóm dịch vụ năng lượng sau:



- Tư vấn M&A dự án năng lượng tái tạo: Môi giới và tư vấn giao dịch mua bán, chuyển nhượng cổ phần các dự án điện gió (offshore và onshore), điện mặt trời và điện sinh khối đang trong giai đoạn phát triển hoặc đã vận hành thương mại. NVS sẽ tiếp tục khai thác mạng lưới nhà đầu tư tổ chức quốc tế đặc biệt là từ Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đang tích cực tìm kiếm cơ hội tiếp cận thị trường năng lượng Việt Nam.
- Tư vấn đánh giá hiệu quả tài chính dự án: cung cấp báo cáo phân tích độc lập về hiệu quả vận hành, cơ cấu tài chính và định giá dự án năng lượng, phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư chiến lược, cổ đông trong các quyết định tài cơ cấu hoặc thoái vốn. Dịch vụ này có biên lợi nhuận tốt, đồng thời là bước đệm tự nhiên để phá triển thêm vào dịch vụ M&A và thu xếp vốn liên quan.
- Dịch vụ thông tin và nghiên cứu thị trường năng lượng: tiếp tục mở rộng dịch vụ cung cấp báo cáo phân tích chuyên sâu theo dạng hợp đồng thuê báo (retainer) cho các nhà đầu tư và tổ chức tài chính quốc tế, bao gồm cập nhật chính sách, quy hoạch, cơ hội đầu tư và phân tích rủi ro thị trường tại Việt Nam.

(b) Nghiệp vụ IB cơ bản

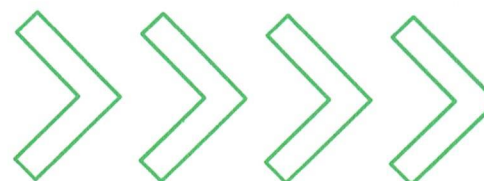
Song song với chiến lược tập trung vào năng lượng, khối IB tiếp tục duy trì và phát triển các nghiệp vụ ngân hàng Đầu tư truyền thống nhằm đảm bảo nguồn doanh thu đa dạng qua các chu kỳ thị trường. Cụ thể, Khối IB triển khai các dịch vụ tư vấn cổ phần Cụ thể, Khối IB triển khai các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), tư vấn tăng vốn điều lệ và niêm yết thêm cổ phiếu cho doanh nghiệp đã niêm yết. Trong danh mục hợp đồng đang triển khai, thương vụ tư vấn phát hành thêm cổ phiếu cho CTCP Công nghệ – Viễn thông Sài Gòn (SGT) dự kiến hoàn tất trong năm 2026, là giao dịch khẳng định năng lực của NVS trong mảng tư vấn thị trường vốn ngoài phạm vi lĩnh vực năng lượng. Tư vấn phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn trung và dài hạn, trong bối cảnh thị trường TPDN đang phục hồi theo hướng minh bạch và chuyên nghiệp hơn, đây cũng là mảng Khối IB kỳ vọng khai thác được cơ hội rõ nét trong năm 2026.

(c) Ứng dụng công nghệ và nâng cao năng suất

Nhận thức rằng quy mô nhân sự hiện tại của Khối IB là tương đối tinh gọn so với khối lượng công việc ngày càng gia tăng, Khối IB xác định ứng dụng công nghệ (AI) là giải pháp chiến lược để nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ mà không nhất thiết phải mở rộng nhân sự tương ứng. Trong năm 2026, Khối IB dự kiến triển khai các công cụ hỗ trợ dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) vào quy trình nghiên cứu thị trường, soạn thảo báo cáo phân tích và sàng lọc cơ hội đầu tư.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm tài chính mới

Năm 2026, Khối IB sẽ phối hợp với các phòng ban liên quan để nghiên cứu tính khả thi và lộ trình vận hành hai mảng dịch vụ mới tiềm năng. Thứ nhất, Sàn giao dịch tín chỉ carbon: trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng lộ trình thị trường carbon nội địa theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP và cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, nhu cầu về dịch vụ môi giới, tư vấn và kết nối giao dịch tín chỉ carbon sẽ ngày càng gia tăng. NVS với nền tảng chuyên môn về thị trường năng lượng và thị trường vốn, có cơ sở thuận lợi để định vị sớm trong lĩnh vực còn mới mẻ này. Thứ hai, dịch vụ Đại lý đấu giá: với tư cách là công ty chứng khoán đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản, NVS có thể đăng ký triển khai dịch vụ này như một nguồn doanh thu bổ sung. Cả hai mảng đều đòi hỏi nghiên cứu pháp lý chuyên sâu, đầu tư hạ tầng và xây dựng năng lực nhân sự trước khi triển khai thương mại. Do đó năm 2026 sẽ là giai đoạn nghiên cứu và chuẩn bị nền tảng, với mục tiêu thử nghiệm vận hành ít nhất một trong hai dịch vụ trong năm 2027.



Kết quả hoạt động theo từng bộ phận năm 2025

Khối Công nghệ thông tin (CNTT)

Năm 2024-2025 là năm mà NVS tập trung đẩy mạnh đầu tư vào quá trình chuyển đổi số. Với tổng ngân sách đầu tư công nghệ vượt 9,1 tỷ đồng được phân bổ trên ba nhóm: phần mềm ứng dụng nghiệp vụ, hạ tầng mạng và phần cứng và hệ thống an toàn bảo mật. Đây là năm NVS đầu tư vào công nghệ mạnh mẽ nhất từ trước đến nay, phản ánh cam kết rõ ràng của Ban lãnh đạo trong việc đặt hạ tầng số làm nền tảng cho tăng trưởng giai đoạn tới.

(a) Dự án trọng điểm: Hệ thống FO-FE và cho vay Margin thế hệ mới

Dự án được kỳ vọng nhiều nhất và cũng có tác động lớn nhất trong năm 2025 là việc triển khai đồng bộ hệ thống giao dịch FO-FE (Front Office - Front End) mới và hệ thống cho vay đa nguồn (Margin), cả hai đều do đối tác Innotech thực hiện và đưa vào vận hành chính thức từ tháng 8/2025. Hệ thống FO-FE là dự án IT lớn nhất mà NVS từng triển khai. Về bản chất, đây là bộ phần mềm thay thế toàn bộ giao diện giao dịch phía khách hàng và phía nhân viên môi giới, lớp tiếp xúc trực tiếp nhất giữa Công ty và nhà đầu tư. Ngoài việc cải thiện rõ rệt trải nghiệm sử dụng, hệ thống mới còn cho phép NVS cấu trúc và giới thiệu các gói sản phẩm đầu tư đa dạng hơn, phù hợp với từng phân khúc khách hàng, đồng thời tích hợp liền mạch với hệ thống Core Index hiện hành thông qua API mới (hoàn thành trong tháng 8/2025). Điều này tạo ra luồng dữ liệu thông suốt từ đặt lệnh đến thanh toán, giảm thiểu thao tác thủ công và rủi ro sai sót vận hành.

Thực hiện song song với dự án FO-FE là hệ thống cho vay đa nguồn (Margin). Khác với hệ thống cũ vốn chỉ xử lý margin ở mức cơ bản, hệ thống mới hỗ trợ quản lý danh mục ký quỹ theo thời gian thực với cơ chế cảnh báo tự động và tự động hóa một phần quy trình xử lý call margin, giúp đội ngũ kiểm soát rủi ro phản ứng kịp thời hơn trong những phiên thị trường biến động mạnh. Đây là yếu tố quan trọng khi Khối Môi giới đặt mục tiêu mở rộng danh mục cho vay ký quỹ trong giai đoạn tới.

(b) Các dự án hỗ trợ nghiệp vụ hoàn thành trong năm

Cổng kết nối VSD Gateway cho giao dịch trái phiếu riêng lẻ (do Gosmac thực hiện) được đưa vào vận hành ngay từ tháng 1/2025, đảm bảo NVS đáp ứng đúng hạn yêu cầu kỹ thuật của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) trong bối cảnh thị trường TPDN đang phục hồi và các yêu cầu pháp lý về lưu ký tập trung trái phiếu riêng lẻ ngày càng chặt chẽ hơn.

Hệ thống văn phòng điện tử Epaperless và nâng cấp phần mềm kế toán Cyber cùng đi vào hoạt động trong quý II/2025. Hai hệ thống này có tác động tích cực đến hiệu quả vận hành nội bộ: giảm thiểu lưu chuyển tài liệu giấy, tăng tốc chu trình phê duyệt, và tạo nền tảng kiểm soát tài chính chính xác hơn, đặc biệt có ý nghĩa khi Công ty cần đẩy nhanh quy trình báo cáo và kiểm toán trong bối cảnh khối lượng giao dịch tăng trưởng.

Hạ tầng bảo mật: Đầu tư đón đầu yêu cầu pháp lý

Trong lĩnh vực an toàn thông tin, NVS đã hoàn thành nâng cấp hệ thống tường lửa Firewall Fortinet kèm License Manager (triển khai từ quý I/2025) và hệ thống bảo mật chống tấn công từ Internet (đưa vào vận hành tháng 9/2025). Dịch vụ backup cloud toàn bộ dữ liệu sang Datacenter của nhà cung cấp trong nước cũng được kích hoạt, đảm bảo khả năng phục hồi dữ liệu trong các tình huống sự cố. Các khoản đầu tư này phản ánh chủ trương chủ động tuân thủ yêu cầu an toàn thông tin ngành chứng khoán theo tiêu chuẩn của Cục An toàn thông tin (Bộ TT&TT) và UBCKNN.

Đáng chú ý, hai hệ thống quy mô lớn hơn là SOC (Security Operations Center) và DLP (Data Loss Prevention): hiện vẫn đang trong giai đoạn lựa chọn nhà cung cấp và dự kiến triển khai trong năm 2026. Đây là hai hệ thống bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan quản lý; việc sớm hoàn thành sẽ giúp NVS đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn an toàn thông tin ngành và tránh rủi ro pháp lý.



Hạ tầng kết nối và hệ thống KRX

Hạ tầng đường truyền được duy trì theo mô hình dự phòng đa lớp với ba nhà cung cấp độc lập, FPT (đường truyền chính và kênh leased line đến HoSE/VSD), VNPT (kênh kết nối HNX/VSD/BIDV và đường truyền Internet) và Viettel (kênh kết nối hệ thống KRX). Điều này đảm bảo tính liên tục hoạt động ngay cả khi một nhà cung cấp gặp sự cố. Tổng chi phí hạ tầng đường truyền hàng năm ở mức hợp lý, phản ánh cân đối tốt giữa yêu cầu độ tin cậy và hiệu quả chi phí.

Về hệ thống KRX: dự án nâng cấp core giao dịch theo tiêu chuẩn mới của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, gồm Core Index, HSX Gateway và ORS. NVS đã hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị kỹ thuật từ phía Công ty. Tiến độ chính thức kích hoạt phụ thuộc vào lịch trình triển khai đồng bộ của cơ quan quản lý; NVS đã sẵn sàng và sẽ chuyển đổi hệ thống theo đúng thông báo của HoSE khi thời điểm đến.

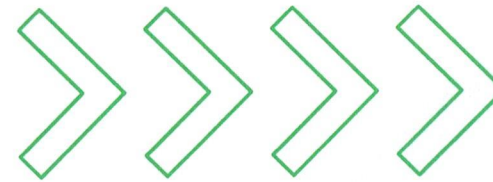


Khối Môi giới chứng khoán

Môi giới chứng khoán là nghiệp vụ trực tiếp đối mặt với cạnh tranh thị trường, và kết quả năm 2025 cho thấy NVS đã thực sự chuyển biến tích cực về chất lượng dịch vụ và mở rộng nền tảng khách hàng.

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán năm 2025 đạt 3,66 tỷ đồng, tăng 24,7% so với 2,93 tỷ đồng năm 2024. Tăng trưởng đến từ cả hai chiều: (i) mở rộng tệp khách hàng mới với các tài khoản giao dịch tích cực; (ii) nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm đầu tư trên nền tảng hệ thống FO-FE mới.

Điểm nhấn trong năm là sự tham gia của các nhà đầu tư cá nhân năng động hơn trong bối cảnh thị trường có nhiều cơ hội, cùng với việc hệ thống EKYC và xác thực thông tin nhà đầu tư được nâng cấp giúp rút ngắn quy trình mở tài khoản và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Dịch vụ lưu ký chứng khoán tiếp tục duy trì ổn định, phục vụ nhu cầu lưu ký và thanh toán của khách hàng cá nhân và tổ chức.



Các khối hỗ trợ (Back office)

(a) Tình hình nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2025, NVS có 29 cán bộ nhân viên. Quy mô nhân sự được duy trì tinh gọn, phù hợp với mô hình hoạt động tập trung vào các nghiệp vụ chuyên sâu và hiệu quả vốn cao. Đội ngũ được tổ chức theo cơ cấu bao gồm các khối nghiệp vụ (Môi giới, IB, Tự doanh, Công nghệ thông tin) và các bộ phận quản trị (Tài chính – Kế toán, Hành chính – Nhân sự, Pháp chế, Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro).

Cơ cấu giới tính: nữ chiếm 58,6% (17 người) và nam chiếm 41,4% (12 người). Tỷ lệ này phản ánh sự hiện diện mạnh mẽ của nhân lực nữ trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán tại Việt Nam. Về độ tuổi, đội ngũ NVS có sự giao thoa thế hệ phong phú, từ nhóm nhân sự trẻ năng động sinh năm 2003 đến nhóm chuyên gia giàu kinh nghiệm sinh năm 1978, tạo nên sự cân bằng lý tưởng giữa sức sáng tạo và chiều sâu chuyên môn.

Tỷ lệ biến động nhân sự (turnover) năm 2025 ở mức khoảng 20% (6 trường hợp), nằm trong biên độ kiểm soát bình thường của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam và phản ánh sự dịch chuyển lao động tự nhiên theo chu kỳ phát triển thị trường.

(b) Đào tạo và phát triển chuyên môn

Nâng cao năng lực liên tục là yêu cầu bắt buộc trong ngành chứng khoán, nơi kiến thức kỹ thuật, khung pháp lý và thực tiễn thị trường thay đổi với tốc độ nhanh. Trong năm 2025, 4 cán bộ nhân viên đã hoàn thành các chương trình đào tạo chuyên môn, bao gồm: Chứng chỉ hành nghề chứng khoán (Phân tích tài chính), Chứng chỉ Quản lý Quỹ, và Chứng chỉ CCNA (Cisco Certified Network Associate) – chứng nhận kỹ thuật mạng quốc tế cho chuyên viên công nghệ thông tin.

Đặc biệt, Tổng Giám đốc đã bắt đầu tham gia chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh chuyên sâu về Trí tuệ Nhân tạo (SeMBA – AI) với lộ trình đào tạo trong hai năm (2025–2026). Đây là khoản đầu tư chiến lược quan trọng: việc trang bị kiến thức AI ở cấp điều hành sẽ cho phép NVS ứng dụng phân tích dữ liệu thông minh vào hoạt động đầu tư, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số hiện nay.

Tổng chi phí lương, thưởng và phúc lợi năm 2025 đạt hơn 10 tỷ đồng, phản ánh cam kết của Công ty trong việc đảm bảo mức đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Từ năm 2026, Công ty sẽ triển khai thêm chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho toàn bộ cán bộ nhân viên, nâng cao chất lượng phúc lợi và gắn kết người lao động với tổ chức.

Năm	Nhân sự đầu kỳ	Nhân sự cuối kỳ	Biến động
2023	30	29	Giảm 01
2024	29	31	Tăng 02
2025	31	29	Giảm 02



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Trong năm 2025, tổng tài sản của NVS đạt 379,19 tỷ đồng. Với đặc thù là một công ty chứng khoán, NVS luôn duy trì cơ cấu tài sản tập trung vào các tài sản tài chính nhằm phục vụ hoạt động đầu tư và tối ưu hóa tính thanh khoản. Tại ngày 31/12/2025, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ đạo với 96,17% tổng tài sản, đạt giá trị 364,68 tỷ đồng, tăng trưởng ổn định so với kỳ trước.

Cơ cấu tài sản có sự thay đổi tích cực khi quy mô tổng tài sản tăng từ 329,61 tỷ đồng (đầu năm) lên mức 379,19 tỷ đồng, phản ánh sự mở rộng trong hoạt động kinh doanh. Đáng chú ý, tài sản dài hạn ghi nhận mức tăng mạnh so với đầu năm, cho thấy công ty đang đẩy mạnh đầu tư vào các tài sản cố định và danh mục dài hạn để tạo nền tảng vững chắc cho tương lai. Trong cơ cấu tài sản, tiền và các khoản tương đương tiền duy trì ở mức 88,34 tỷ đồng. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng, giúp công ty luôn sẵn sàng về nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán và thực hiện hiệu quả vai trò trung gian giữa Tổ chức phát hành và Nhà đầu tư.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) cuối năm 2025 đạt 78,01 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 100,76 tỷ đồng đầu năm. NVS đã thực hiện quản trị danh mục linh hoạt, nhạy bén đánh giá tình hình thị trường để ra quyết định điều chỉnh tỷ trọng các loại tài sản tài chính có tiềm năng. Quy trình đầu tư của NVS tiếp tục được thực hiện chặt chẽ, tập trung vào các doanh nghiệp phát hành uy tín và có năng lực tài chính tốt.

Đặc biệt, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ghi nhận mức tăng trưởng bứt phá, đạt 132,30 tỷ đồng, tăng mạnh so với con số 43,58 tỷ đồng đầu năm. Ngược lại, danh mục tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) giảm từ 43 tỷ đồng xuống còn 30,72 tỷ đồng. Sự chuyển dịch này cho thấy NVS đã tối ưu hóa nguồn vốn ngắn hạn, chuyển đổi từ các khoản tiền gửi cố định sang các công cụ đầu tư linh hoạt hơn nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh và gia tăng lợi nhuận trong năm 2025.

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của NVS đạt 4,01 tỷ đồng, giảm mạnh 22,8% so với mức 5,19 tỷ đồng đầu năm. Đáng chú ý, toàn bộ dư nợ của Công ty là nợ ngắn hạn, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng nguồn vốn. Công ty tiếp tục duy trì chính sách tài chính an toàn khi không phát sinh các khoản vay và nợ thuê tài chính (Mã 311, 312 bằng 0), cho thấy NVS hoàn toàn chủ động bằng vốn tự có và không chịu áp lực từ các khoản vay tín dụng hay nợ quá hạn. Các khoản nợ hiện tại chủ yếu là nợ mang tính chất chu kỳ trong hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả người bán ngắn hạn, tất cả đều được đảm bảo thanh toán đúng hạn nhờ hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ở mức cực cao.

Do đặc thù hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ tài chính nội địa, các giao dịch bằng ngoại tệ tại NVS phát sinh không đáng kể. Trong năm 2025, chênh lệch tỷ giá dù có biến động nhưng mức tác động thuần vẫn duy trì ở trạng thái tích cực và không gây ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Song song đó, việc kiên trì chiến lược quản trị tài chính an toàn, không sử dụng đòn bẩy vay nợ đã giúp Công ty hoàn toàn miễn nhiễm trước những biến động của lãi suất thị trường. Việc kiểm soát tốt áp lực chi phí tài chính không chỉ giúp NVS bảo toàn biên lợi nhuận mà còn tạo dựng nền tảng vững chắc để duy trì sự ổn định và chủ động trước các rủi ro biến động từ thị trường tiền tệ.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Xác định công nghệ là nền tảng cốt lõi để nâng cao năng suất và tối ưu hóa bộ máy quản trị, trong năm 2025, NVS đã thực hiện bước đột phá khi chính thức triển khai và đưa vào vận hành hệ thống Epaperless. Đây là cột mốc quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số của Công ty, giúp chuyển đổi toàn bộ các quy trình nghiệp vụ thủ công sang quản lý tập trung trên nền tảng trực tuyến. Việc áp dụng Epaperless đã mang lại những cải tiến vượt bậc trong công tác điều hành:

- Tối ưu hóa thời gian: Tốc độ xử lý hồ sơ, trình ký và phê duyệt được rút ngắn đáng kể nhờ quy trình tự động hóa, loại bỏ hoàn toàn các nút thắt về khoảng cách địa lý và thời gian luân chuyển văn bản giấy.
- Linh hoạt về không gian: Hệ thống cho phép cấp quản lý và nhân viên có thể tương tác, xử lý công việc mọi lúc, mọi nơi, đảm bảo tính liên tục của dòng chảy nghiệp vụ ngay cả trong các điều kiện làm việc từ xa.
- Quản trị minh bạch và bảo mật: Mọi bước trong quy trình phê duyệt đều được lưu vết hệ thống, giúp dễ dàng tra cứu, kiểm soát tiến độ và tăng cường tính bảo mật cho các quyết định quản trị quan trọng.

Cải tiến này không chỉ giúp NVS giảm thiểu chi phí vận hành mà còn tạo ra một môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành tổng thể của bộ máy quản lý trong giai đoạn phát triển mới.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Năm 2026, Khối IB sẽ đặt trọng tâm vào ba mũi nhọn chiến lược. Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh mảng M&A và tư vấn năng lượng tái tạo và điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối. Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam tiếp tục khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào hạ tầng năng lượng, nhu cầu vốn cho chuyển dịch năng lượng ngày càng lớn và khung pháp lý ngày càng rõ ràng hơn. Thứ hai, mở rộng dịch vụ tư vấn thị trường nợ và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang cần tư vấn tối ưu cơ cấu vốn. Thứ ba, nghiên cứu và cấu trúc các sản phẩm tài chính mới, trong đó có nghiên cứu vận hành Sàn giao dịch tín chỉ carbon và dịch vụ Đại lý đấu giá. Đồng thời, Khối tiếp tục ứng dụng AI và công nghệ điện toán đám mây để nâng cao năng suất phân tích và tốc độ thực thi.

Khối Môi giới Chứng khoán

Với nền tảng hệ thống giao dịch FO-FE mới vừa đưa vào hoạt động, năm 2026 là năm Khối Môi giới khai thác tối đa năng lực hạ tầng để mở rộng tệp khách hàng và danh mục sản phẩm. Ưu tiên hàng đầu là phát triển dịch vụ cho vay ký quỹ với quy trình tự động hóa và minh bạch hơn, qua đó thu hút các nhà đầu tư có nhu cầu đòn bẩy tài chính. Song song đó, Khối sẽ đẩy mạnh truyền thông và phát triển quan hệ khách hàng để tận dụng kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm cả triển vọng nâng hạng thị trường mà giới đầu tư trong và ngoài nước đang đặt nhiều kỳ vọng.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

NVS xem việc phát triển bền vững theo 3 trụ cột Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) không phải là nghĩa vụ tuân thủ hình thức, mà là một phần không thể tách rời trong chiến lược kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. Đối với một công ty tài chính, quản trị minh bạch và trách nhiệm xã hội chính là nền tảng vững chắc để xây dựng niềm tin với cổ đông, khách hàng và đối tác, đây là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển lâu dài và bền vững.

NVS cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành. Công ty định kỳ phối hợp với các đơn vị chuyên môn thực hiện quan trắc môi trường lao động, đảm bảo quy trình xử lý chất thải văn phòng đúng quy định pháp luật. Những nỗ lực này khẳng định quyết tâm của NVS trong việc xây dựng một "Văn phòng xanh" và hướng tới các tiêu chuẩn phát triển bền vững (ESG) trong tương lai.

2. Đánh giá liên quan đến người lao động

Xác định con người là tài sản quý giá nhất, năm 2025, NVS tiếp tục kiên trì chính sách nhân sự nhằm xây dựng một môi trường làm việc hạnh phúc và hiệu quả. Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực thực thi nghiệp vụ và kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ nhân sự để thích ứng với hệ thống vận hành mới.

Bên cạnh việc đảm bảo đầy đủ các chế độ lương thưởng, bảo hiểm và phúc lợi theo quy định, NVS đã triển khai thêm các hoạt động chăm sóc đời sống tinh thần thiết thực như thành lập Câu lạc bộ Pickleball, tạo không gian rèn luyện sức khỏe và gắn kết nội bộ sau giờ làm việc. Chính sách nhân sự minh bạch, công bằng kết hợp với văn hóa lắng nghe đã giúp NVS duy trì tỷ lệ gắn bó cao, tạo động lực để mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng, cùng đóng góp vào sự tăng trưởng chung của tổ chức.

3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, NVS tiếp tục khẳng định vai trò là một doanh nghiệp có trách nhiệm thông qua việc duy trì và làm sâu sắc hơn các hoạt động an sinh xã hội. Với định hướng phát triển gắn liền với lợi ích cộng đồng, cán bộ nhân viên công ty đã tích cực tham gia các chương trình quyên góp, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và đồng hành cùng các quỹ khuyến học dành cho học sinh, sinh viên vùng sâu vùng xa.

Thông qua chuỗi các hoạt động từ thiện và sự tham gia nhiệt tình của tập thể nhân viên, NVS không chỉ góp phần lan tỏa những giá trị tốt đẹp mà còn khẳng định uy tín của một định chế tài chính trách nhiệm, luôn đồng hành vì sự hưng thịnh và hạnh phúc của cộng đồng.



CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



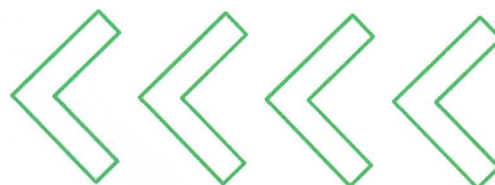
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2025, trước những thách thức và thay đổi của thị trường, NVS đã kiên định thực hiện mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật. Khác với giai đoạn khó khăn trước đó, năm 2025 ghi nhận sự phục hồi tích cực với tổng tài sản đạt 379,19 tỷ đồng và doanh thu hoạt động đạt 104,74 tỷ đồng, khẳng định nền tảng tài chính vững chắc với vốn chủ sở hữu duy trì ở mức 375,19 tỷ đồng.

Điểm nhấn nổi bật trong công tác quản trị năm nay là việc chính thức vận hành hệ thống E-pageless, giúp số hóa toàn diện quy trình trình ký và phê duyệt, từ đó rút ngắn đáng kể thời gian xử lý hồ sơ và xóa bỏ hoàn toàn rào cản về không gian trong điều hành. Bên cạnh đó, NVS tiếp tục duy trì kỷ luật tài chính khắt khe, thắt chặt kiểm soát rủi ro đầu tư và linh hoạt điều chỉnh danh mục tài sản theo hướng an toàn, thanh khoản cao. Công ty cũng đặc biệt chú trọng đến trách nhiệm môi trường và xã hội thông qua việc cắt giảm rác thải giấy, duy trì các chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng và chăm lo đời sống nhân viên với các hoạt động thể chất hiện đại như Câu lạc bộ Pickleball. Song song đó, các chương trình an sinh xã hội và hỗ trợ giáo dục tại địa phương vẫn được duy trì thường xuyên, khẳng định cam kết của Hội đồng Quản trị trong việc tích hợp các giá trị nhân văn vào chiến lược phát triển bền vững của tổ chức.

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm 2025/2024
Tổng doanh thu hoạt động	91.902	71.198	104.736	471%
Chi phí hoạt động	39.23	49.343	53.225	79%
Chi phí quản lý	11.296	13.906	12.59	-95%
Lợi nhuận trước thuế	47.184	8.054	38.798	3,819%
Lợi nhuận sau thuế	37.934	1.914	36.022	+1.782,1%
EPS (đồng/cổ phiếu)	1.505	76	1.429	-



2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã điều hành NVS với tinh thần trách nhiệm cao, sự chủ động thích ứng và tầm nhìn chiến lược rõ ràng trong bối cảnh thị trường có nhiều cơ hội đan xen rủi ro.

Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó, với:

- Doanh thu đạt 104.7 tỷ đồng (tăng 47.1%)
- LNST phục hồi mạnh lên 36 tỷ đồng
- VCSH đạt mức kỷ lục 375.2 tỷ đồng

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu phi tài chính cũng được cải thiện đáng kể, hệ thống công nghệ được nâng cấp toàn diện, danh mục khách hàng IB được mở rộng với chất lượng cao, bộ quy trình nội bộ được hệ thống hóa và hiện đại hóa.

Hội đồng Quản trị cũng lưu ý về vi phạm công bố thông tin bị xử phạt năm 2025 và yêu cầu Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp phòng ngừa triệt để, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối trong các năm tiếp theo. Việc tuân thủ đúng hạn mọi nghĩa vụ công bố thông tin là yếu tố tiên quyết để duy trì uy tín của NVS trên thị trường và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

Nhìn chung, Hội đồng Quản trị đánh giá cao những kết quả tích cực mà Ban Tổng Giám đốc đã đạt được, đặc biệt trong việc duy trì kỷ luật tài chính, kiểm soát chi phí hiệu quả và xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững cho giai đoạn sắp tới.

3. Định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2026 và tầm nhìn trung hạn

Hội đồng Quản trị nhận định năm 2026 sẽ là năm Việt Nam tiếp tục củng cố đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, với nền tảng là đầu tư công được đẩy mạnh, dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào và thị trường tài chính ngày càng chuyên nghiệp hơn. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị xác định ba trọng tâm chiến lược cho NVS như sau:

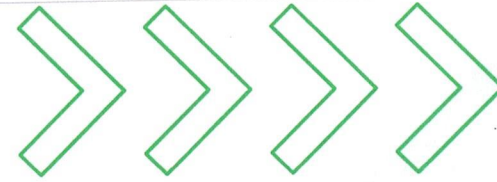
- Thứ nhất, tiếp tục xây dựng năng lực khác biệt trong tư vấn ngân hàng đầu tư, đặc biệt là mảng năng lượng tái tạo và thị trường vốn, như lợi thế cạnh tranh dài hạn, không thể sao chép dễ dàng bởi các công ty chứng khoán quy mô lớn hơn.
- Thứ hai, phát triển mảng dịch vụ đầu tư bán lẻ (môi giới, ký quỹ, tư vấn đầu tư cá nhân) trên nền tảng công nghệ mới, nhằm tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ có tính ổn định và tái diễn cao hơn so với doanh thu tự doanh.
- Thứ ba, kiểm soát chặt chẽ rủi ro pháp lý và tuân thủ, xây dựng hệ thống quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, tạo nền tảng cho kế hoạch mở rộng quy mô trong trung hạn. Hội đồng Quản trị sẽ định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện chiến lược và cung cấp định hướng kịp thời cho Ban điều hành trong từng giai đoạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên NVS vì tinh thần nỗ lực và cống hiến trong năm 2025, cảm ơn Quý cổ đông, đối tác và khách hàng đã đặt niềm tin vào Công ty. Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục điều hành Công ty với tiêu chí minh bạch, chuyên nghiệp và luôn hướng đến tối đa hóa giá trị dài hạn cho tất cả các bên liên quan.



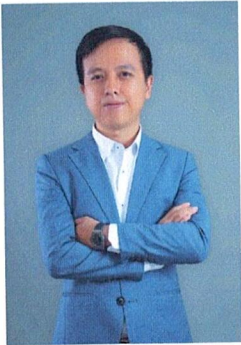
CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ CÔNG TY





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



ÔNG ĐẶNG HUY PHONG

Chủ tịch HĐQT

Ông Đặng Huy Phong là Cử nhân Luật Thương mại Quốc tế, có 11 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, từng giữ chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán lớn

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức danh nắm giữ tại công ty khác: Không có

ÔNG NGUYỄN HOÀNG KỶ LÂN

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân là Cử nhân Quản trị Kinh doanh, là một nhà lãnh đạo trẻ, dẫn dắt, quản trị nhiều năm trong lĩnh vực đầu tư, thương mại

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 30,694%

Chức danh nắm giữ tại công ty khác:

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu Tư và Du Lịch Sài Gòn

ÔNG LÊ CHÍ PHÚC

Thành viên HĐQT

Ông Lê Chí Phúc là Cử nhân Chuyên ngành Kinh tế, có 15 năm kinh nghiệm tham gia thị trường chứng khoán, từng giữ nhiều chức vụ quản lý trong các công ty chứng khoán.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức danh nắm giữ tại công ty khác:

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ SGI

ÔNG HOÀNG GIA BẢO

Thành viên HĐQT

Cử nhân Chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng. Hiện đang là ngân viên tài chính tại Công ty cổ phần Red Franchise

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức danh nắm giữ tại công ty khác: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 cuộc họp, tất cả đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị NVS. Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các hoạt động của NVS được tiến hành đúng với quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NVS/NQ -HĐQT	13/01/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2024. - Thông qua đề xuất của Ban Giám đốc, cụ thể trích một phần lợi nhuận còn lại từ năm 2023 và lợi nhuận năm 2024 để chi trả lương tháng thứ 13 và tặng quà Tết Nguyên Đán cho toàn thể cán bộ nhân viên đồng thời khen thưởng cho các cá nhân có thành tích, đóng góp nổi bật trong năm 2024. HĐQT ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc thay mặt quyết định về việc chi trả lương, thưởng, tặng quà nêu trên và báo cáo kết quả cho HĐQT vào quý tiếp theo. - Thông qua phương án trích lập như Ban giám đốc cùng Phòng Tài chính – Kế toán trình tại Tờ trình trích lập dự phòng khoản đầu tư SPT của Phòng Tài chính – Kế toán. - Thông qua đề xuất thanh lý xe ô tô và mua xe ô tô mới theo các Tờ trình đính kèm Biên bản họp này của Ban Giám đốc và Phòng Hành chính – nhân sự. - Hội đồng quản trị thống nhất miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Quản trị rủi ro của bà Đỗ Lê Hằng do đã xin nghỉ việc. Ngày bắt đầu miễn nhiệm: 01/02/2025 	100%
2	01.01/2025/NVS/ NQ-HĐQT	20/01/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị thống nhất thông qua: Bổ nhiệm ông Đặng Huy Phong giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 05 (năm) năm kể từ ngày 20/01/2025; Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của ông Đặng Huy Phong từ ngày 20/01/2025 do đã được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc. - Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện Công ty thực hiện các thủ tục, hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch đầu tư. - Trước khi việc thay đổi người đại diện theo pháp luật được ghi nhận bằng việc được cấp Giấy phép điều chỉnh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới, Hội đồng quản trị giao Chủ tịch HĐQT là người đại diện cho Công ty thực hiện các giao kết, ký kết hồ sơ, hợp đồng, tài liệu của Công ty để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục. - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. 	100%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	01.03/2025/NVS/ NQ-HĐQT	28/03/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất kế hoạch và chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông 2025. - Thông qua các nội dung họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2025. Hội đồng quản trị nhất trí uỷ quyền cho Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị, phê duyệt nội dung các tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 và cập nhật hoàn thiện các nội dung này lên Trang thông tin điện tử của Công ty muộn nhất vào ngày 14/04/2025. 	100%
4	02.01/2025/NVS/ NQ-HĐQT	09/05/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Đức Thiện giữ vị trí Chuyên viên Quản trị rủi ro. - Thông qua việc tái ký Hợp đồng lao động với Ông Đặng Huy Phong với chức vụ Tổng Giám đốc. 	100%
5	03.01/2025/NVS/ NQ-HĐQT	18/8/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Bà Mai Thu Trang kể từ ngày 18/08/2025. - Thông qua việc bổ nhiệm bà Thái Hải Như giữ vị trí Chuyên viên Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 18/08/2025. 	100%
6	03.02/2025/NVS/ NQ-HĐQT	28/8/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc cử ông Đặng Huy Phong – Tổng Giám đốc Công ty tham dự khóa đào tạo Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. - Thông qua phê duyệt hạn mức chi phí thực hiện việc tham dự khóa đào tạo nêu trên và phân công thực hiện. 	100%
7	04/2025/NVS/NQ -HĐQT	24/12/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bán toàn bộ chứng khoán Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn – Mã chứng khoán SPT. - Thông qua ban hành Quy chế Tài chính của Công ty sửa đổi, bổ sung. - Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chính sách quản trị rủi ro năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Chính sách này do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank xem xét, quyết định. 	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.

Tuy nhiên, sau ngày 18/04/2025, Công ty đã thay đổi mô hình tổ chức thành: Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Do đó, kể từ ngày 18/04/2025, Công ty không còn bộ phận Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

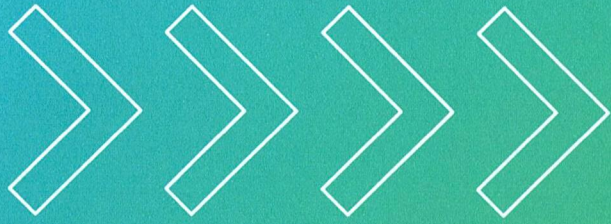
STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021 Sau ngày 18/04/2025, không còn là thành viên UBKT do Công ty thay đổi mô hình tổ chức.	Cử nhân Đại học
2	Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 03/07/2024 Sau ngày 18/04/2025, không còn là thành viên UBKT do Công ty thay đổi mô hình tổ chức.	Cử nhân Đại học

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2024, Công ty không phát sinh Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2024, Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về quản trị công ty. Đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.



CHƯƠNG VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Báo cáo tài chính được đính kèm sau Báo cáo này)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-40
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 09 năm 2025; Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Phong	Chủ tịch	
Ông Hoàng Gia Báo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025
Ông Lê Chí Phúc	Thành viên	
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Phong	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2025
Ông Đặng Huy Phong	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2025

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày 16 tháng 01 năm 2025 là ông Phan Anh Tuấn - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc Công ty; từ ngày 17 tháng 01 năm 2025 cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Đặng Huy Phong - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026



Số: 230326.026/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 23 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

Đỗ Hoàng Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5220-2025-002-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		364.683.010.688	318.747.366.854
110	I. Tài sản tài chính		363.843.208.099	318.442.873.888
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	88.344.253.755	101.141.814.463
111.1	1.1 Tiền		23.344.253.755	71.141.814.463
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	30.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	78.011.767.171	100.763.196.436
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	30.720.000.000	43.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	31.414.303.075	45.445.410.635
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	132.301.350.000	43.579.704.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	-	(22.629.704.000)
117	7. Các khoản phải thu	7	1.776.164.015	4.641.740.242
117.2	7.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.776.164.015	4.641.740.242
117.4	7.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.776.164.015	4.641.740.242
118	8. Trả trước cho người bán		266.080.000	1.627.265.500
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	826.998.165	627.102.486
122	10. Các khoản phải thu khác	7	182.291.918	246.344.126
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		839.802.589	304.492.966
131	1. Tạm ứng		10.000.000	-
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	401.121.167	304.492.966
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	428.681.422	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.512.605.902	10.870.659.951
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		2.231.059.846	2.231.753.445
212	1. Các khoản đầu tư		3.300.000.000	3.300.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác	11	3.300.000.000	3.300.000.000
213	1.2 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	11	(1.068.940.154)	(1.068.246.555)
220	II. Tài sản cố định		5.103.906.196	3.817.048.934
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.836.831.210	3.524.797.586
222	- Nguyên giá		12.690.187.567	12.452.998.240
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.853.356.357)	(8.928.200.654)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.267.074.986	292.251.348
228	- Nguyên giá		6.498.454.180	5.213.849.180
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.231.379.194)	(4.921.597.832)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.065.000.000	-
250	IV. Tài sản dài hạn khác		5.112.639.860	4.821.857.572
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	530.378.838	485.433.666
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	325.866.189	243.991.591
254	3. Tiền nộp Quý Hỗ trợ thanh toán	15	4.256.394.833	4.092.432.315
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		379.195.616.590	329.618.026.805

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.006.962.421	5.189.611.197
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.265.357.581	5.189.611.197
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	37.212.974	126.793.794
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	18	28.535.636	214.493.727
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		129.492.000	100.000.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	156.060.111	3.376.971.119
323	5. Phải trả người lao động		709.291.668	621.525.500
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	79.145.369	36.559.733
327	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		100.000.000	100.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	25.619.823	613.267.324
340	II. Nợ phải trả dài hạn		2.741.604.840	-
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	37.2	2.741.604.840	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		375.188.654.169	324.428.415.608
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	375.188.654.169	324.428.415.608
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		15.695.807.116	957.625.000
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		107.492.847.053	71.470.790.608
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		98.163.913.945	76.302.002.114
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		9.328.933.108	(4.831.211.506)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		379.195.616.590	329.618.026.805

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025		01/01/2025	
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT						
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401		
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		25.200.000	25.200.000		
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	73.516.730.000	67.824.340.000		
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	24	6.000.000.000	418.000.000		
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	43.050.900.000	31.338.030.000		
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG						
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	1.165.031.770.000	2.073.693.320.000		
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		925.513.020.000	1.886.231.650.000		
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		88.750.000	88.750.000		
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		239.430.000.000	186.800.000.000		
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		-	572.920.000		
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	2.273.170.000	1.265.740.000		
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.273.170.000	1.265.740.000		
026	3. Tiền gửi của khách hàng	28	16.289.512.550	8.670.125.014		
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		16.289.512.550	8.670.125.014		
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29	16.289.173.512	8.669.727.118		
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		16.289.173.508	8.669.727.114		
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý				4	4

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025		Năm 2024	
			VND	VND	VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		92.098.334.704	60.176.073.445		
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	31.a)	34.707.767.324	27.693.310.310		
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	31.b)	51.778.641.380	26.449.169.200		
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	31.c)	5.611.926.000	6.033.593.935		
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.c)	2.100.757.790	3.998.964.443		
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.c)	4.266.083.638	1.727.573.887		
06	1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.660.123.692	2.934.495.998		
07	1.5 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.974.817.455	886.300.000		
09	1.6 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		597.392.658	1.456.666.056		
11	1.7 Thu nhập hoạt động khác	31.d)	38.333.613	17.684.495		
20	Cộng doanh thu hoạt động		104.735.843.550	71.197.758.324		
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		67.195.176.077	18.167.400.020		
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	31.a)	32.318.284.151	-		
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	31.b)	34.876.891.926	18.167.400.020		
24	2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(22.629.704.000)	22.629.704.000		
26	2.3 Chi phí hoạt động tự doanh		798.851.624	1.661.835.292		
27	2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		5.508.436.222	3.887.044.481		
28	2.5 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.166.696.929	1.097.828.801		
29	2.6 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		242.400.436	537.928.451		
30	2.7 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		901.272.074	1.337.700.305		
32	2.8 Chi phí các dịch vụ khác		41.578.681	23.783.037		
40	Cộng chi phí hoạt động		53.224.708.043	49.343.224.387		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	32		
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		12.420.358	6.816.459
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		154.427.443	123.367.771
44	3.3 Doanh thu khác về đầu tư		6.643.891	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		173.491.692	130.184.230
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	33		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		7.874.236	-
52	4.2 Chi phí lãi vay		406.483.858	37.568.904
54	4.3 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		693.599	1.734.582
60	Cộng chi phí tài chính		415.051.693	39.303.486
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	34	12.589.619.874	13.905.831.919
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		38.679.955.632	8.039.582.762
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	35	390.909.835	14.726.280
72	8.2 Chi phí khác	36	272.617.774	468.608
80	Cộng kết quả hoạt động khác		118.292.061	14.257.672
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		38.798.247.693	8.053.840.434
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		21.896.498.239	(227.928.746)
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		16.901.749.454	8.281.769.180
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	37	2.776.191.248	6.139.733.503
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.1	34.586.408	6.139.733.503
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	37.2	2.741.604.840	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>36.022.056.445</u>	<u>1.914.106.931</u>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
300	XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		14.738.182.116	957.625.000
400	Tổng thu nhập toàn diện		14.738.182.116	957.625.000
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	40	1.429	76

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		38.798.247.693	8.053.840.434
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		(20.921.918.739)	23.995.409.952
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.845.944.338	1.454.507.089
04	- Các khoản dự phòng		(22.629.010.401)	22.631.438.582
05	- Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(385.000)
06	- Chi phí lãi vay		406.483.858	37.568.904
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(545.336.534)	(127.719.623)
10	3. Tăng các chi phí tiền tệ		34.876.891.926	18.167.400.020
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		34.876.891.926	18.167.400.020
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(51.778.641.380)	(26.449.169.200)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(51.778.641.380)	(26.449.169.200)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.119.675.142)	(13.255.471.568)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		39.653.178.719	27.708.803.859
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		12.280.000.000	46.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		14.031.107.560	(41.271.660.675)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(73.983.463.884)	(19.992.375.000)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	43.179.429.511
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.865.576.227	(2.370.330.730)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(170.403.679)	344.002.459
38	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán		-	-
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		64.052.208	(47.781.680)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(173.962.518)	(77.760.387)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		43.269.471	27.239.057
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(178.502.799)	15.239.041
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.534.682.778)	(6.474.394.382)
44	- Lãi vay đã trả		(407.167.693)	(37.131.644)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		1.175.227.409	(20.191.017.993)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(149.496.060)	49.590.085
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		87.766.168	(113.324.500)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(677.228.321)	(39.929.793.959)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.945.172)	(74.204.630)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.145.095.642)	10.512.009.638

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(5.197.801.600)	(2.504.198.600)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		390.909.091	4.351.852
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		154.427.443	123.367.771
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.652.465.066)	(2.376.478.977)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		130.719.000.000	71.520.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		130.719.000.000	71.520.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(130.719.000.000)	(71.520.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(130.719.000.000)	(71.520.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(12.797.560.708)	8.135.530.661
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		101.141.814.463	93.006.283.802
101.1	- Tiền		71.141.814.463	66.506.283.802
101.2	- Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	26.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	88.344.253.755	101.141.814.463
103.1	- Tiền		23.344.253.755	71.141.814.463
103.2	- Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	30.000.000.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2025

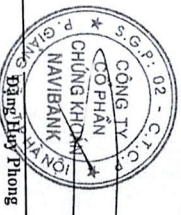
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2024	01/01/2025	Năm 2024	Năm 2025	31/12/2024	31/12/2025
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
Biến động vốn chủ sở hữu							
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-
Cổ quyền biểu quyết		-	957.625.000	957.625.000	-	957.625.000	15.695.807.116
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		69.556.683.677	71.470.790.608	1.914.106.931	-	36.022.056.445	107.492.847.053
Lợi nhuận chưa phân phối		82.669.664.363	76.302.002.114	(6.367.662.249)	-	21.861.911.831	98.163.913.946
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(13.112.980.686)	(4.831.211.506)	8.281.769.180	-	14.160.144.614	9.328.933.108
? Lợi nhuận chưa thực hiện		321.556.683.677	324.428.415.608	3.864.106.931	992.375.000	76.256.798.258	375.188.654.166
ĐNG CỘNG		957.625.000	1.950.000.000	992.375.000	40.234.741.813	25.496.559.697	15.695.807.116
Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ từ đánh giá lại sản sàng để bán		-	-	-	-	-	-
ĐNG CỘNG		957.625.000	1.950.000.000	992.375.000	40.234.741.813	25.496.559.697	15.695.807.116

Nguyễn Thùy Dung

Nguyễn Thùy Dung
 người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng



Đặng Huy Phong

Đặng Huy Phong
 Tổng Giám đốc

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
 Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		2.275.819.018.400	959.066.779.850
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.392.232.935.334)	(680.558.399.870)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(875.391.716.731)	(280.100.929.235)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(574.978.799)	(1.692.480.500)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.714.244.416	3.351.958.540
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.714.244.416)	(3.351.958.540)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		7.619.387.536	(3.285.029.755)
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		8.670.125.014	11.955.154.769
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		8.670.125.014	11.955.154.769
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		8.670.125.014	11.955.154.769
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	28	16.289.512.550	8.670.125.014
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		16.289.512.550	8.670.125.014
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		16.289.512.550	8.670.125.014

Nguyễn Thùy Dung

Nguyễn Thùy Dung
 Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng



Đặng Huy Phong

Đặng Huy Phong
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

1 THÔNG TIN CHUNG

1.1 Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 09 năm 2025; Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 252.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 252.000.000.000 đồng; tương đương 25.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 30 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 32 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chỉ phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chi tiêu: chi tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chi tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chi tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư vào công ty khác căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với các Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu mà làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	02 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 50 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán, chi phí đường truyền, chi phí điện nước... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước về phí dịch vụ đại lý lưu ký đơn vị đang cung cấp dịch vụ nhưng chưa hết thời gian hợp đồng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.19 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.20. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.21. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

2.22. Các khoản thuế**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

c) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.25. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng	Giá trị khối lượng giao dịch chứng
	khoản thực hiện trong năm	khoản thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	42.231.820	1.635.812.119.592
- Cổ phiếu	41.516.223	917.037.950.534
- Trái phiếu	715.597	718.774.169.058
Của nhà đầu tư	141.594.496	3.666.838.049.834
- Cổ phiếu	141.594.495	3.666.836.929.300
- Trái phiếu	1	1.120.534
	<u>183.826.316</u>	<u>5.302.650.169.426</u>

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	131.679.000	31.678.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	23.212.574.755	71.110.136.463
Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	30.000.000.000
	<u>88.344.253.755</u>	<u>101.141.814.463</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 4,75%/năm.

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	36.635.969.852	50.200.183.700	64.931.303.606	59.251.092.100
Cổ phiếu chưa niêm yết	23.804.305.100	22.167.000.000	14.150.000.000	14.999.000.000
Trái phiếu niêm yết (*)	1.227.600.000	1.371.229.200	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết (**)	4.273.354.271	4.273.354.271	26.513.104.336	26.513.104.336
	<u>65.941.229.223</u>	<u>78.011.767.171</u>	<u>105.594.407.942</u>	<u>100.763.196.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(*) Trái phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là 12.276 trái phiếu SBT425001 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, thời hạn là 01 năm kể từ ngày phát hành 12 tháng 09 năm 2025, lãi suất trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 9,5%/năm, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu.

(**) Trái phiếu chưa niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

- 1.199 trái phiếu BCMH2126005 của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP, giá gốc là 1.209.004.562 đồng, thời hạn là 05 năm kể từ ngày phát hành 15 tháng 09 năm 2021 với lãi suất của trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10,5%/năm, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu;

- 30.509 trái phiếu NVLH2224006 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư địa ốc No Va, giá gốc là 3.064.349.709 đồng, thời hạn là 24 tháng kể từ ngày phát hành 15 tháng 03 năm 2022 với lãi suất cố định là 10,5%/năm, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Thời gian đáo hạn được gia hạn thêm 2 năm, đến ngày 15 tháng 03 năm 2026. Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn sau khi điều chỉnh. Sau điều chỉnh thời gian đáo hạn, lãi suất cố định của lô trái phiếu là 11,5%/năm, toàn bộ tiền lãi còn lại trong thời gian điều chỉnh ngày đáo hạn sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Ngày 16 tháng 03 năm 2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư địa ốc No Va đã công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc và lãi đối với trái phiếu này. Theo đó, công ty này tiếp tục chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán và đang tiếp tục thương thảo với các nhà đầu tư.

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	116.605.542.884	132.301.350.000	19.992.375.000	20.950.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	22.629.704.000	-
	116.605.542.884	132.301.350.000	42.622.079.000	20.950.000.000

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	30.720.000.000	43.000.000.000
	30.720.000.000	43.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên của Công ty bao gồm:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất từ 4,8%/năm đến 6%/năm;
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 4,9%/năm; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 6,0%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 30.500.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, chi tiết tại Thuyết minh số 16.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hoạt động margin	30.881.016.440	44.375.720.635
Hoạt động ứng trước tiền bán	533.286.635	1.069.690.000
	31.414.303.075	45.445.410.635

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
FVTPL	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VN
Cổ phiếu niêm yết ⁽¹⁾	65.941.229.223	105.594.407.942	105.594.407.942	137.708.054.200	849.000.000	849.000.000	(1.637.486.252)	(5.680.211.506)	78.011.767.171	100.763.196.471
- Sở Hồ Chí Minh	36.635.969.852	64.931.303.606	64.931.303.606	13.564.395.000	-	-	(181.152)	(5.680.211.506)	50.200.183.700	59.251.092.111
- Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽²⁾	36.635.969.852	64.931.303.606	64.931.303.606	13.564.395.000	-	-	(181.152)	(5.680.211.506)	50.200.183.700	59.251.092.111
Trái phiếu chưa niêm yết ⁽³⁾	23.804.305.100	14.150.000.000	14.150.000.000	14.999.000.000	849.000.000	849.000.000	(1.637.305.100)	-	22.167.000.000	14.999.000.000
Trái phiếu niêm yết ⁽⁴⁾	1.227.600.000	-	-	143.629.200	-	-	-	-	1.371.229.200	-
- Sở Hồ Chí Minh	4.273.354.271	26.513.104.336	26.513.104.336	-	-	-	-	-	4.273.354.271	26.513.104.336
AFS	116.605.542.884	42.622.079.000	42.622.079.000	15.953.537.116	957.625.000	957.625.000	(257.730.000)	(22.629.704.000)	132.301.350.000	20.950.000.000
Cổ phiếu niêm yết ⁽¹⁾	116.605.542.884	19.992.375.000	19.992.375.000	20.950.000.000	20.950.000.000	20.950.000.000	(257.730.000)	-	132.301.350.000	20.950.000.000
- Sở Hồ Chí Minh	116.605.542.884	19.992.375.000	19.992.375.000	20.950.000.000	20.950.000.000	20.950.000.000	(257.730.000)	-	132.301.350.000	20.950.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽²⁾	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	182.546.772.107	148.216.486.942	148.216.486.942	210.313.117.171	1.806.625.000	1.806.625.000	(1.895.216.252)	(28.309.915.506)	210.313.117.171	121.713.196.471

(1) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(2) Giá trị thị trường của chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(3) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.



6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tại ngày 01/01	22.629.704.000	-
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(22.629.704.000)	22.629.704.000
Tại ngày 31/12	-	22.629.704.000

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.194.032.956	4.017.301.154
Phải thu lãi hoạt động Margin	582.131.059	624.439.088
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	826.998.165	627.102.486
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	481.998.165	437.842.486
- Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành	280.000.000	139.260.000
- Phải thu các dịch vụ khác	65.000.000	50.000.000
Phải thu khác	182.291.918	246.344.126
- Phải thu lãi tiền gửi Quý hỗ trợ thanh toán	182.291.918	246.344.126
	<u>2.785.454.098</u>	<u>5.515.186.854</u>

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.775.206	25.710.017
Chi phí thuê văn phòng	222.198.557	217.216.833
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	177.147.404	61.566.116
	<u>401.121.167</u>	<u>304.492.966</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	130.404.075	55.521.251
Phí bản quyền phần mềm máy tính	9.014.587	36.822.919
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô	-	28.406.190
Cước internet trọn gói	68.790.858	57.325.716
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.656.669	65.915.515
	<u>325.866.189</u>	<u>243.991.591</u>

9 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	449.378.838	434.433.666
Đặt cọc thuê taxi	21.000.000	11.000.000
Đặt cọc hợp đồng cung cấp thông tin	60.000.000	40.000.000
	<u>530.378.838</u>	<u>485.433.666</u>

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	428.681.422	-
	<u>428.681.422</u>	<u>-</u>

11 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	3.300.000.000	(1.068.940.154)	3.300.000.000	(1.068.246.555)
	<u>3.300.000.000</u>	<u>(1.068.940.154)</u>	<u>3.300.000.000</u>	<u>(1.068.246.555)</u>

Công ty sở hữu 330.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ lợi ích và 10% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam (hoạt động trong lĩnh vực chuyên hóa và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngọc xá lợi). Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty này.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	1.611.007.273	10.841.990.967	12.452.998.240
Mua trong năm	1.812.394.600	35.802.000	1.848.196.600
Thanh lý, nhượng bán	(1.611.007.273)	-	(1.611.007.273)
Tại ngày 31/12/2025	<u>1.812.394.600</u>	<u>10.877.792.967</u>	<u>12.690.187.567</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	1.597.582.259	7.330.618.395	8.928.200.654
Khấu hao trong năm	118.141.144	1.418.021.832	1.536.162.976
Thanh lý, nhượng bán	(1.611.007.273)	-	(1.611.007.273)
Tại ngày 31/12/2025	<u>104.716.130</u>	<u>8.748.640.227</u>	<u>8.853.356.357</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	13.425.014	3.511.372.572	3.524.797.586
Tại ngày 31/12/2025	<u>1.707.678.470</u>	<u>2.129.152.740</u>	<u>3.836.831.210</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.016.037.185 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao	Tài sản cố định vô	Cộng
	dịch, kế toán	hình khác	
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	5.004.296.680	209.552.500	5.213.849.180
Mua trong năm	1.284.605.000	-	1.284.605.000
Tại ngày 31/12/2025	6.288.901.680	209.552.500	6.498.454.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	4.712.045.332	209.552.500	4.921.597.832
Khấu hao trong năm	309.781.362	-	309.781.362
Tại ngày 31/12/2025	5.021.826.694	209.552.500	5.231.379.194
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	292.251.348	-	292.251.348
Tại ngày 31/12/2025	1.267.074.986	-	1.267.074.986

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.980.849.180 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định vô hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tại ngày 01/01	-	-
Tăng trong năm	2.065.000.000	-
Tại ngày 31/12	2.065.000.000	-
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	2.065.000.000	-
Dự án phát triển hệ thống giao dịch chứng khoán FO&FE	2.065.000.000	-
	2.065.000.000	-

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.036.062.487	2.036.062.487
Tiền lãi phân bổ lũy kế	2.100.332.346	1.936.369.828
Số dư cuối năm	4.256.394.833	4.092.432.315

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	-	130.719.000.000	130.719.000.000	-
	-	130.719.000.000	130.719.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 30052025/2377477/HĐTC ngày 30 tháng 05 năm 2025 cùng Phụ lục sửa đổi bổ sung số 09062025/2377477/PLHĐTC ngày 09 tháng 06 năm 2025 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức thấu chi: 29.890.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh cổ phiếu;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng thấu chi;
 - + Lãi suất cho vay: 6,3%/năm kể từ ngày ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và có thể thay đổi theo thông báo của ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: các Hợp đồng tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	1.476.894	60.008.570
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	35.736.080	66.785.224
	37.212.974	126.793.794

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH ACI Capital	-	202.400.000
Phải trả các đối tượng khác	28.535.636	12.093.727
	28.535.636	214.493.727

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	81.352.945	12.670.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.071.414.948
Thuế thu nhập cá nhân	74.707.166	292.885.716
	156.060.111	3.376.971.119

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	683.835
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	79.145.369	35.875.898
	79.145.369	36.559.733

21 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu tổ chức phát hành chuyển cho nhà đầu tư	-	612.871.824
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.619.823	395.500
	25.619.823	613.267.324

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

22. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	7,02	17.700.000.000	7,02	17.700.000.000
Quách Thị Nga	16,98	42.800.000.000	16,98	42.800.000.000
Phạm Thị Yến	16,73	42.150.000.000	16,73	42.150.000.000
Lê Thị Anh	25,79	65.000.000.000	25,79	65.000.000.000
Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	30,69	77.350.000.000	30,69	77.350.000.000
Huỳnh Nguyễn Tấn Bách	2,78	7.000.000.000	2,78	7.000.000.000
	100	252.000.000.000	100	252.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	98.163.913.945	76.302.002.114
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.328.933.108	(4.831.211.506)
	107.492.847.053	71.470.790.608

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	76.302.002.114	82.669.664.363
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	14.160.144.614	8.281.769.180
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	21.861.911.831	(6.367.662.249)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	98.163.913.945	76.302.002.114
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	98.163.913.945	76.302.002.114

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	73.516.730.000	67.824.340.000
	73.516.730.000	67.824.340.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	6.000.000.000	418.000.000
	6.000.000.000	418.000.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	43.050.900.000	31.338.030.000
	43.050.900.000	31.338.030.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	925.513.020.000	1.886.231.650.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	88.750.000	88.750.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	239.430.000.000	186.800.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	572.920.000
	1.165.031.770.000	2.073.693.320.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.273.170.000	1.265.740.000
	2.273.170.000	1.265.740.000

28. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	16.289.512.550	8.670.125.014
1.1 Nhà đầu tư trong nước	16.288.614.975	8.670.125.010
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	897.575	4
	16.289.512.550	8.670.125.014

29. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	16.289.173.512	8.669.727.118
1.1 Nhà đầu tư trong nước	16.289.173.508	8.669.727.114
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	16.289.173.512	8.669.727.118

30. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	31.463.147.499	45.000.159.723
1.1 Phải trả gốc margin	30.881.016.440	44.375.720.635
Nhà đầu tư trong nước	30.881.016.440	44.375.720.635
1.2 Phải trả lãi margin	582.131.059	624.439.088
Nhà đầu tư trong nước	582.131.059	624.439.088
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	533.286.635	1.069.690.000
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	533.286.635	1.069.690.000
Nhà đầu tư trong nước	533.286.635	1.069.690.000
	31.996.434.134	46.069.849.723



THU NHẬP

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
		VND	VND	Lãi	Lỗ	VND	VND
	19.059.722	427.085.415.000	414.258.310.870	22.376.942.560	(9.549.838.430)	70.720	-
Cổ phiếu niêm yết	19.059.722	427.085.415.000	414.258.310.870	22.376.942.560	(9.549.838.430)	70.720	-
- Sở TP. Hồ Chí Minh	3.054.713	8.824.200.000	30.516.358.900	837.545.100	(22.529.704.000)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	351.771	375.520.428.533	364.265.890.590	11.493.279.664	(238.741.721)	27.693.239.590	-
Trái phiếu chưa niêm yết							
		811.430.043.533	809.040.560.360	34.707.767.324	(32.318.284.151)	27.693.310.310	-

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2025		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2025		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
FVTPL	65.941.229.223	78.011.767.171	13.708.024.200	(1.637.486.252)	849.000.000	(5.680.211.506)	51.778.641.380	(34.876.891.926)
Cổ phiếu niêm yết	36.635.969.852	50.200.183.700	13.564.395.000	(181.152)	-	(5.680.211.506)	47.631.272.180	(28.386.846.826)
Cổ phiếu chưa niêm yết	23.804.305.100	22.167.000.000	-	(1.637.305.100)	849.000.000	-	4.003.740.000	(6.490.045.100)
Trái phiếu niêm yết	1.227.600.000	1.371.229.200	143.629.200	-	-	-	143.629.200	-
Trái phiếu chưa niêm yết	4.273.354.271	4.273.354.271	-	-	957.625.000	(22.629.704.000)	-	-
AFS	116.605.542.884	132.301.350.000	15.953.537.116	(257.730.000)	957.625.000	-	51.778.641.380	(34.876.891.926)
Cổ phiếu chưa niêm yết	116.605.542.884	132.301.350.000	15.953.537.116	(257.730.000)	957.625.000	-	51.778.641.380	(34.876.891.926)
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	(22.629.704.000)	-	-	-
	182.546.772.107	210.313.117.171	29.661.561.316	(1.895.216.252)	1.806.625.000	(28.309.915.506)	51.778.641.380	(34.876.891.926)

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	5.611.926.000	6.033.593.935
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2.100.757.790	3.998.964.443
Từ các khoản cho vay	4.266.083.638	1.727.573.887
	11.978.767.428	11.760.132.265
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	38.333.613	17.684.495
Trong đó:		
- Doanh thu khác	38.333.613	17.684.495
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	38.333.613	17.684.495
32 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.420.358	6.816.459
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.420.358	6.431.459
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	385.000
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	154.427.443	123.367.771
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.643.891	-
	173.491.692	130.184.230
33 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	7.874.236	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.874.236	-
Chi phí lãi vay	406.483.858	37.568.904
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	693.599	1.734.582
	415.051.693	39.303.486
34 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	7.545.419.263	9.036.910.169
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	327.942.500	317.622.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	84.248.662	54.211.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	162.476.827	181.631.304
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.585.954.285	3.050.135.121
Chi phí khác	1.880.578.337	1.262.320.906
	12.589.619.874	13.905.831.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

35 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	390.909.091	-
Các khoản khác	744	14.726.280
	<u>390.909.835</u>	<u>14.726.280</u>

36 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	256.751.489	-
Các khoản khác	15.866.285	468.608
	<u>272.617.774</u>	<u>468.608</u>

37 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

37.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.798.247.693	8.053.840.434
Các khoản điều chỉnh tăng	308.742.932	22.667.271.415
- Chi phí không hợp lệ	308.357.932	22.667.271.415
- Chênh lệch tỷ giá	385.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(39.790.186.600)	(22.444.334)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.301.458.400)	(9.000)
- Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính	(12.859.024.200)	(22.050.334)
- Chênh lệch tỷ giá	-	(385.000)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính	(22.629.704.000)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(683.195.975)	30.698.667.515
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	6.139.733.503
Điều chỉnh thuế chi phí thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	34.586.408	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.071.414.948	3.406.075.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.534.682.778)	(6.474.394.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>(428.681.422)</u>	<u>3.071.414.948</u>

37.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.741.604.840	-
	<u>2.741.604.840</u>	<u>-</u>
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.741.604.840	-
	<u>2.741.604.840</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

40 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	36.022.056.445	1.914.106.931
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.022.056.445	1.914.106.931
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	25.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.429</u>	<u>76</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

41 . QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	78.011.767.171	-	-	78.011.767.171
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	132.301.350.000	-	-	132.301.350.000
	<u>210.313.117.171</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>210.313.117.171</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	100.763.196.436	-	-	100.763.196.436
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.950.000.000	-	-	20.950.000.000
	<u>121.713.196.436</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>121.713.196.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.212.574.755	-	-	88.212.574.755
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.720.000.000	-	-	30.720.000.000
Các khoản cho vay	31.414.303.075	-	-	31.414.303.075
Các khoản phải thu	2.613.162.180	-	-	2.613.162.180
	<u>152.960.040.010</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>152.960.040.010</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.110.136.463	-	-	101.110.136.463
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000
Các khoản cho vay	45.445.410.635	-	-	45.445.410.635
Các khoản phải thu	5.515.186.854	-	-	5.515.186.854
	<u>195.070.733.952</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>195.070.733.952</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	91.368.433	-	-	91.368.433
Chi phí phải trả	79.145.369	-	-	79.145.369
	<u>170.513.802</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>170.513.802</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	954.554.845	-	-	954.554.845
Chi phí phải trả	36.559.733	-	-	36.559.733
	<u>991.114.578</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>991.114.578</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

42. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện đã được công bố tại Thuyết minh số 5a, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

43. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	4.257.516.350	94.199.092.494	6.279.234.706	104.735.843.550
Chi phí hoạt động	6.409.708.296	45.364.323.701	1.450.676.046	53.224.708.043
Doanh thu không phân bổ				173.491.692
Chi phí không phân bổ				13.004.671.567
Kết quả hoạt động	<u>(2.152.191.946)</u>	<u>48.834.768.793</u>	<u>4.828.558.660</u>	<u>38.679.955.632</u>
Tài sản bộ phận	5.083.392.998	242.809.281.186	31.596.594.993	279.489.269.177
Tài sản không phân bổ				99.706.347.413
Tổng tài sản	<u>5.083.392.998</u>	<u>242.809.281.186</u>	<u>31.596.594.993</u>	<u>379.195.616.590</u>
Nợ phải trả bộ phận	-	-	37.212.974	37.212.974
Nợ phải trả không phân bổ				3.969.749.447
Tổng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>37.212.974</u>	<u>4.006.962.421</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra tại trụ sở chính tại Hà Nội nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI	Ông Lê Chí Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đồng thời là Tổng Giám đốc công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ	Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đồng thời là Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sài Gòn - Lâm Đồng	Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đồng thời là Tổng Giám đốc công ty này

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao, thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:		
Ông Đặng Huy Phong - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.180.500.000	799.000.000
Ông Phan Anh Tuấn - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	-	1.203.000.000

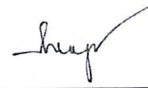
Các thành viên Hội đồng quản trị khác không nhận thù lao năm 2024 và năm 2025.

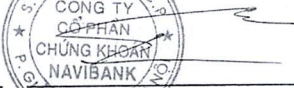
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Nguyễn Thùy Dung
 Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng


 Đặng Huy Phong
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác Kinh doanh

Năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong hành trình 17 năm phát triển của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 8.02% – cao nhất khu vực ASEAN, thị trường chứng khoán cũng đón nhận những tín hiệu tích cực với chỉ số VN-Index tăng trưởng 40.87%. Thanh khoản thị trường được cải thiện đáng kể, trong khi dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục chảy mạnh, phản ánh niềm tin vững chắc của các nhà đầu tư quốc tế vào tiềm năng phát triển của Việt Nam.

Tận dụng những cơ hội từ môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi, cùng với nỗ lực tái cơ cấu nội bộ và đầu tư công nghệ đã triển khai kiên định từ các năm trước, NVS đã đạt được bước nhảy vọt chưa từng có. Lợi nhuận sau thuế phục hồi mạnh mẽ đạt 34.8 tỷ đồng, tăng gấp 18.33 lần so với năm trước, thiết lập kỷ lục cao nhất trong suốt lịch sử hoạt động của Công ty. Vốn chủ sở hữu tăng lên 375.2 tỷ đồng, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Thành tựu này đến từ sự đóng góp của tất cả các mảng hoạt động then chốt. Khối dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tiếp tục là điểm sáng chiến lược với doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ, hoàn thành thành công các thương vụ tư vấn chủ chốt và khẳng định vị thế là đối tác tư vấn đáng tin cậy trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Hoạt động cho vay ký quỹ ghi nhận mức tăng đột biến nhờ hệ thống margin thế hệ mới với khả năng tự động hóa và quản lý rủi ro theo thời gian thực. Khối Môi giới cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, phản ánh sự mở rộng tệp khách hàng và cải thiện chất lượng dịch vụ.

Năm 2025 cũng chứng kiến những bước tiến quan trọng trong chuyển đổi số toàn diện. Hệ thống giao dịch thế hệ mới, hệ thống cho vay đa nguồn, hệ thống văn phòng điện tử và các giải pháp bảo mật tiên tiến đều đã được đưa vào vận hành, tạo nền tảng công nghệ vững chắc để NVS cạnh tranh hiệu quả trong kỷ nguyên số.

Bước sang năm 2026, chúng tôi xác định chiến lược chuyển đổi số là ưu tiên hàng đầu với bốn trụ cột then chốt: hoàn thiện ứng dụng giao dịch cho khách hàng cá nhân, xây dựng kho dữ liệu và bảng điều khiển quản trị tổng hợp, số hóa toàn diện các quy trình nội bộ hướng tới văn phòng không giấy, và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các hoạt động nghiệp vụ. Đồng thời, chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư trong mảng năng lượng tái tạo, mở rộng dịch vụ môi giới và cho vay ký quỹ, cùng với nghiên cứu triển khai các sản phẩm tài chính mới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác trong suốt thời gian qua. Chúng tôi cũng trân trọng ghi nhận những nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ nhân viên NVS, những người đã cùng nhau vượt qua thách thức và tạo nên những thành tựu đáng tự hào trong năm 2025. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục điều hành Công ty với tinh thần trách nhiệm, minh bạch và chuyên nghiệp, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và tối đa hóa giá trị cho tất cả các bên liên quan.



Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2026
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**
ĐẶNG HUY PHONG